

THÔNG BÁO
**Về việc công bố, công khai nội dung Kế hoạch
sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030

Căn cứ Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên.

UBND phường Tích Lương thông báo công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên tại Trụ sở làm việc của UBND phường và trên cổng thông tin điện tử của UBND phường Tích Lương (<http://tichluong.thainguoyencity.gov.vn/>).

1. Hồ sơ công khai gồm có

- Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên;

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên.

2. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị cụ thể như sau

2.1. Công chức Văn phòng - Thống kê, công chức Văn hoá - Xã hội phối hợp với công chức Địa chính - Xây dựng công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên tại Trụ sở làm việc của UBND phường và trên cổng thông tin điện tử của UBND phường Tích Lương (<http://tichluong.thainguyencity.gov.vn/>).

2.2. Công chức Địa chính – Xây dựng tham mưu UBND phường tổ chức và quản lý việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo đúng quy định pháp luật.

2.3. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường căn cứ theo nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên đã được UBND tỉnh phê duyệt có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

UBND phường Tích Lương trân trọng công bố công khai, thông báo đến toàn bộ tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường được biết.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên & Môi trường TP;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH phường;
- Công chức chuyên môn UBND phường;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu VT, ĐC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Quý

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: ~~3424~~/QĐ-UBNDThái Nguyên, ngày ~~30~~ tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên: số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030; Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 967/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 887,44 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 864,54 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 là 725,59 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 là 8,60 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 175 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 887,44 ha. Trong đó:

- 171 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 873,17 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 04 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 14,27 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)

6. Điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên

- Điều chỉnh diện tích đối với 01 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đối với 51 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên do đã quá 02 năm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai 2024.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên có trách nhiệm:

1. Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

Anhd. T12/2024



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Tiến

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
			Phường Cam Giá	Phường Chùa Hang	Phường Đồng Bầm	Phường Đồng Quang	Phường Gia Sàng	Phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hương Sơn	Phường Phan Đình Phùng	Phường Phú Xá	Phường Quan Triều	Phường Quang Trung	Phường Quang Vinh	Phường Tân Lập	Phường Tân Long	Phường Tân Thành	Phường Tân Thịnh
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0,63		0,11					0,48									
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	14,77		0,84	0,03			0,01		0,77	0,07				0,46			
2.7.1	Đất khu công nghiệp																	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp																	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	0,77								0,77								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	1,05						0,01		0,77								
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	12,48		0,84	0,03						0,07				0,46			
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	1,25																
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	61,79		0,34	0,67	1,69	0,31	0,01	1,51	0,55	8,32	0,87	0,72	5,62	5,46	0,02		0,39
2.8.1	Đất công trình giao thông	49,37		0,34	0,55	0,75	0,31	0,01	1,00	0,53	6,85	0,75	0,69	4,20	4,94			0,39
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	10,82			0,12	0,94	0,002		0,51	0,02	1,24	0,12	0,03	1,32	0,52	0,02		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước																	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai																	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên																	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải																	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,61									0,04			0,10				
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin																	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	0,20																
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0,78									0,19							
2.9	Đất tôn giáo	0,10																
2.10	Đất tín ngưỡng	0,08																
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	5,02			0,01				0,10		1,46	0,03		0,94	0,30			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	33,65	3,47				0,70	0,07		0,03	0,24		0,03	0,68	0,52			0,10
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	4,69					0,63	0,07			0,10				0,50			
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	13,85	3,47				0,07				0,14		0,03	0,68	0,02			0,10
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	4,02			0,001		0,09				0,19							

Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
		Phường Tích Lương	Phường Túc Duyên	Phường Thịnh Đán	Phường Trung Thành	Phường Trung Vương	Xã Cao Ngạn	Xã Đồng Liên	Xã Huống Thượng	Xã Linh Sơn	Xã Phúc Hà	Xã Phúc Triệu	Xã Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng	Xã Sơn Cầm	Xã Tân Cương	Xã Thịnh Đức
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác											0,04					
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		0,11		1,41	0,63	0,20								10,25		
2.7.1	Đất khu công nghiệp																
2.7.2	Đất cụm công nghiệp																
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung																
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ					0,27											
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		0,11		1,41	0,36	0,20								9,00		
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản														1,25		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng		1,80	0,93	2,15	2,11	0,41	0,22	7,35			0,19	1,26	6,54	11,70	0,41	0,21
2.8.1	Đất công trình giao thông		1,44	0,85	1,55	1,93	0,41	0,03	5,82			0,19	1,26	3,80	10,37	0,28	0,14
2.8.2	Đất công trình thủy lợi		0,36	0,08	0,57	0,18		0,07	1,18					2,74	0,78		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước																
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai																
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên																
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải																
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng				0,03										0,44		
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin																
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối															0,13	0,07
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng							0,12	0,35						0,12		
2.9	Đất tôn giáo													0,10			
2.10	Đất tín ngưỡng													0,08			
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt		0,06	0,07					1,00	0,05	0,28		0,05	0,31	0,34	0,03	
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng		0,44			0,05	6,31		3,01		0,56	0,01	0,58	0,84	11,59	0,93	3,49
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá								3,01							0,38	
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối		0,44			0,05	6,31				0,56	0,01	0,58	0,84		0,55	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác										2,31			1,25	0,18		0,0004

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
			Phường Cam Giá	Phường Chùa Hang	Phường Đồng Bám	Phường Đồng Quang	Phường Gia Sàng	Phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hương Sơn	Phường Phan Đình Phùng	Phường Phú Xá	Phường Quan Triều	Phường Quang Trung	Phường Quang Vinh	Phường Tân Lập	Phường Tân Long	Phường Tân Thành	Phường Tân Thịnh
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp																	
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp																	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>																	
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn																	
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	74,16		2,64	0,83	1,68	1,12		1,09	1,46	10,68	0,91	0,74	7,37	6,35	0,02		0,15
	<i>Trong đó:</i>																	
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai																	
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	73,56		2,64	0,83	1,68	1,12		1,09	1,33	10,68	0,91	0,74	7,37	6,35	0,02		0,15
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,47																
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp																	
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	0,13								0,13								

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 3424/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											Diện tích phân theo đơn vị hành chính										
			Phường Cẩm Giã	Phường Chùa Hang	Phường Gia Sàng	Phường Hương Sơn	Phường Phú Xá	Phường Quan Triều	Phường Quang Vinh	Phường Tân Lập	Phường Tân Long	Phường Tân Thành	Phường Túc Duyên	Phường Thịnh Đán	Phường Trung Thành	Phường Trung Vượng	Xã Cao Ngạn	Xã Đồng Liên	Xã Huống Thượng	Xã Phúc Triu	Xã Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng	Xã Sơn Cầm	Xã Thịnh Đức
	Tổng	8,60	0,76	0,03	0,05	0,09	0,04	0,02	0,78	1,11	0,35	0,02	0,40	0,08	0,14	0,89	0,12	0,03	0,42	0,30	0,05	0,13	2,69	0,10
1	Nhóm đất nông nghiệp																							
1.1	Đất trồng lúa																							
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa																							
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại																							
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác																							
1.3	Đất trồng cây lâu năm																							
1.4	Đất rừng đặc dụng																							
1.5	Đất rừng phòng hộ																							
1.6	Đất rừng sản xuất																							
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên																							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản																							
1.8	Đất chăn nuôi tập trung																							
1.9	Đất làm muối																							
1.10	Đất nông nghiệp khác																							
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	8,60	0,76	0,03	0,05	0,09	0,04	0,02	0,78	1,11	0,35	0,02	0,40	0,08	0,14	0,89	0,12	0,03	0,42	0,30	0,05	0,13	2,69	0,10
2.1	Đất ở tại nông thôn	0,72															0,12		0,42		0,04	0,13	0,01	
2.2	Đất ở tại đô thị	2,77		0,03	0,05	0,09	0,04	0,02	0,78	1,10	0,06		0,39	0,08	0,14									
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan																							
2.4	Đất quốc phòng	0,10																						0,10
2.5	Đất an ninh																							
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,61									0,29	0,02								0,30				
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,29									0,29													
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội																							
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế																							
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,32										0,02								0,30				
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao																							
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ																							
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường																							
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn																							
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao																							
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác																							



Phụ lục V

**Danh mục 171 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện
năm 2025 của thành phố Thái Nguyên**

(Kèm theo Quyết định số: **3424** /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		873,17	317,61	58,62			496,94
1	Khu tái định cư phục vụ mở rộng khai trường sản xuất của công ty than Khánh Hòa	Phường Tân Long, TPTN	3,06	1,84				1,22
2	Khu dân cư 11B, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,31		1,27			0,04
3	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	1,82	1,20				0,62
4	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài	Phường Quang Trung, TPTN	0,95					0,95
5	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	6,50	3,04				3,46
6	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,17	0,17				
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,26					0,26
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,10					0,10
7	Khu dân cư số 11, phường Gia Sàng (giáp Khu dân cư Kosy Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	6,02	1,46				4,56
8	Khu dân cư Kosy Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	7,17	2,49				4,68
9	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	6,44	4,64				1,80
		Phường Gia Sàng, TPTN	1,25					1,25
10	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	1,00	0,52				0,48
11	Khu dân cư số 5 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0,21	0,04				0,17
		Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	5,41	0,51	1,28			3,62
12	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,70		0,10			0,60
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,04	0,04				
13	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp - Pienza Plaza Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	2,69					2,69
14	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Pienza Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,26	0,13				0,13

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
15	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, TPTN	3,39	0,48				2,91
16	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Phường Chùa Hang, TPTN	5,76					5,76
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,36					0,36
17	Khu dân cư liên kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	4,07	1,74				2,33
18	Khu đô thị Nam sông Cầu	Phường Quang Vinh, TPTN	45,48	28,14				17,35
19	Khu dân cư hồ điều hòa Xương Rong	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,00					2,00
20	Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	6,65					6,65
21	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,35	0,05				0,30
		Phường Quang Trung, TPTN	0,45	0,02				0,43
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,24	0,01				0,23
22	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,44	0,20	0,04			0,20
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,29	0,36				0,93
23	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	7,85	5,05				2,80
24	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	9,48	5,61				3,87
25	Khu tái định cư số 5 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	7,79	2,48	0,74			4,57
26	Khu dân cư 11A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,34	0,24				0,10
27	Khu tái định cư liên tổ 19+20 phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	5,00	2,30				2,70
28	Khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,85	0,30				0,55
29	Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,50	0,05				0,45
30	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	Phường Tân Lập, TPTN	4,25	0,20	0,50			3,55
		Phường Phú Xá, TPTN	1,46	0,87				0,59
31	Mở rộng khu dân cư số 1 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	6,32	0,88	0,90			4,54
32	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,81	0,25	0,85			3,71
33	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,40	0,50	0,03			3,87
34	Khu tái định cư tổ 3, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	3,60	3,49	0,01			0,10
35	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Quang Trung, TPTN	0,10					0,10
36	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Quang Trung, TPTN	0,05					0,05

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
37	Hạ tầng Khu tái định cư thực hiện xây dựng hạng mục cầu Bến tưng thuộc Chương trình đô thị miền núi phía bắc - thành phố Thái Nguyên giai đoạn II tại khu tái định cư số 2 trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,70	0,39				0,31
38	Khu nhà ở số 6 phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	6,57	1,62	0,23			4,72
39	Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4,44	3,17				1,27
40	Khu đô thị phường Tân Lập - phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,20	0,87	2,31			3,02
41	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,20					0,20
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,01					0,01
42	Khu đô thị thuộc Khu trung tâm số 6 thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	113,74	38,84	1,10			73,80
		Phường Trung Thành, TPTN	26,03	6,99	1,03			18,01
43	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,16					0,16
		Phường Quang Vinh, TPTN	32,21	19,46	0,03			12,73
		Phường Quan Triều, TPTN	17,55	15,07				2,47
44	Khu dân cư 7C	Phường Túc Duyên, TPTN	4,44	3,95				0,49
45	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,12	0,12				
		Xã Quyết Thắng, TPTN	7,29	3,91				3,38
46	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị kết nối khu Di tích lịch sử Thanh niên Xung phong Đại đội 915 và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên	Phường Gia Sàng, TPTN	0,31					0,31
47	Khu dân cư số 8 Túc Duyên (giai đoạn 2)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,12	0,03				1,10
48	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại Khu dân cư số 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (Giai đoạn 1)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,15					0,15
49	Khu dân cư số 12, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	1,78	0,26				1,52
50	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,51					0,51
51	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh niên xung phong và Khu dân cư hai bên đường	Phường Phú Xá, TPTN	3,79	0,88				2,91
		Phường Tân Lập, TPTN	13,54	2,70	0,01			10,83

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
52	Khu đô thị phường Phan Đình Phùng (đề đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,01					1,01
53	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 114 tờ BĐ số 12, phường Đồng Bầm)	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,02					0,02
54	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 559 tờ BĐ số 37 và thửa 560, tờ BĐ số 37 phường Phan Đình Phùng)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,06					0,06
55	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,37	0,18				0,18
56	Xây dựng hạ tầng kết nối Khu dân cư Đội xe văn phòng Công ty Gang Thép với Khu dân cư Lưu Nhân Chú (Giải quyết đơn của công dân)	Phường Hương Sơn, TPTN	0,07	0,01				0,06
57	Khu dân cư Đội Yên Ngựa, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,10					0,10
58	Khu dân cư 1,3,4 và Khu dân cư số 5 Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	0,50	0,18				0,32
59	Khu dân cư Havico phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4,87	0,83				4,04
60	Khu dân cư tổ 4 phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,13		0,72			1,41
61	Khu dân cư số 9, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	1,77	0,58				1,19
62	Xây dựng cấp bách Khu dân cư số 3 phường Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,005					0,005
63	Khu tái định cư số 1, xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,26	0,22				1,04
64	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng, TPTN	5,03	1,30				3,73
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,49	0,08				1,41
65	Khu tái định cư số 1 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,72	1,53	0,50			3,69
66	Khu tái định cư số 2 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	4,33	0,86	1,32			2,15
67	Đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,90	0,38				0,52
68	Xây dựng Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,50	0,85	0,18			1,47
69	Khu dân cư số 3, xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	5,19	0,80	0,17			4,22
70	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37,67	14,20	0,34			23,13
71	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, TPTN	71,85	44,75	5,81			21,29
72	Khu đô thị mới Linh Sơn – Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, TPTN	40,25	32,21				8,04

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
73	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	9,00	3,90	0,20			4,90
74	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	3,30	0,50				2,80
		Xã Phúc Xuân, TPTN	3,22	0,72				2,50
75	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Phúc Xuân, TPTN	5,90	1,83				4,07
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,22					1,22
76	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4,90	1,00	0,30			3,60
77	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,02	0,80				2,22
78	Khu đô thị số 1 xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	12,59	10,74				1,85
79	Tiêu Dự án bồi thường GPMB phục vụ xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn (bao gồm cả Giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,71	1,67				2,04
80	Xây dựng Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,13					0,13
81	Trụ sở UBND phường Hoàng Văn Thụ (để giao đất)	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2,26					2,26
82	Trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,36					0,36
83	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	4,30	0,40	2,24			1,66
84	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1,81	0,50	1,15			0,16
85	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1,32		1,20			0,12
86	Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,08					0,08
87	Trụ sở Công an xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,12					0,12
88	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,10					0,10
89	Trụ sở Công an xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0,13					0,13
90	Trụ sở Công an xã Đồng Liên	Xã Đồng Liên, TPTN	0,12					0,12
91	Trụ sở Công an xã Phúc Triu	Xã Phúc Triu, TPTN	0,11					0,11
92	Trụ sở Công an xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,20					0,20
93	Nhà văn hóa tổ 5	Phường Trung Thành, TPTN	0,08					0,08
94	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục phục vụ hoạt động của Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	0,03					0,03

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
95	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,29					0,29
96	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,15					0,15
97	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng Khu lưu niệm truyền thống tướng niệm liệt sỹ Trung đoàn 88 - Tu Vũ, Sư đoàn 308 - Quân Tiên phong	Xã Tân Cương, TPTN	0,08	0,08				
98	Xây dựng khối nhà 2 tầng 6 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,03					0,03
99	Trạm y tế phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,04					0,04
100	Trạm y tế phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,10					0,10
101	Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,02					0,02
102	Trường mầm non Cam Giá (Phân hiệu 2). Hạng mục: San nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0,51					0,51
103	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,02					0,02
104	Xây dựng kè chống sạt lở Trường mầm non Tân Thành, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thành, TPTN	0,02					0,02
105	Trường mầm non Phúc Trìu	Xã Phúc Trìu, TPTN	0,33					0,33
106	Mở rộng Trường Mầm non Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,17		0,15			0,02
107	Mở rộng Trường Mầm non Hương Sen	Phường Trung Thành, TPTN	0,19					0,19
108	Trường mầm non Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,36					0,36
109	Trường THCS Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,64					0,64
110	Trường Mầm non Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,40					0,40
111	Xây dựng trường mầm non Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,63	0,08				0,55
112	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,73					0,73
113	Trường Mầm non Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,26					0,26
114	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,24					0,24
115	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Việt Mỹ	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,74	2,56	1,04			2,15
116	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,33	1,13				0,20
117	Trụ sở làm việc của Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường	Phường Trung Vương, TPTN	0,14					0,14

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
118	Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và Trụ sở làm việc Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,27					0,27
119	Văn phòng đại diện Báo Nhân dân tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03					0,03
120	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03					0,03
121	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	0,24					0,24
122	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1	Xã Sơn Cẩm, TPTN	18,96	1,45	1,92			15,59
123	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2	Xã Sơn Cẩm, TPTN	29,74	9,31	6,07			14,36
124	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 3	Xã Sơn Cẩm, TPTN	28,63	2,42				26,21
125	Tổ hợp Tài chính, Thương mại dịch vụ và Khách sạn Thái Hưng (THAI HUNG COMPLEX TOWER)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,13					0,13
126	Trụ sở làm việc Chi hánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,11					0,11
127	Khu sinh thái An Bình	Xã Thịnh Đức, TPTN	8,39					8,39
128	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	23,54	1,64	3,13			18,77
129	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11,70	1,12	2,72			7,87
130	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cẩm, TPTN	10,56	0,57	0,93			9,06
		Phường Tân Long, TPTN	0,11		0,11			
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,39					0,39
131	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mon, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	0,72					0,72
132	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ; xã Vô Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cẩm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	6,51					6,51
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	12,20	0,04	0,13			12,03
133	Đường Xuân Hòa kéo dài	Phường Túc Duyên, TPTN	0,62	0,20				0,42
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,60					0,60

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
134	Xây dựng tuyến đường vào trường THPT Chuyên Thái Nguyên (thuộc Khu dân cư số 5B, phường Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,55	1,25				0,30
135	Hoàn thiện đường Bắc Nam - Huống Thượng đoạn qua Khu dân cư tổ 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,57	0,57				
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,13					0,13
136	Xây dựng tuyến đường quy hoạch phía sau trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	0,41					0,41
137	Đầu tư xây dựng nút giao đường Thanh niên với đường Bắc Kạn	Phường Trung Vương	0,74					0,74
138	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,13	0,05				0,08
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,05					0,05
139	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 (nút giao đường Tổ Hữu) đến Km 9+500	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,35	0,50				0,85
		Xã Phúc Xuân, TPTN	4,71	2,50				2,21
140	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,07					0,07
141	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0,33					0,33
142	Cải tạo, nâng cấp hệ thống vỉa hè, cây xanh và kết nối hạ tầng các khu dân cư nút giao Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	0,51	0,01				0,50
		Phường Tân Thịnh, TPTN	0,449		0,002			0,447
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,41					0,41
143	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư tổ 6 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	0,0554	0,0016				0,0538
144	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Xuân Hòa	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,01					0,01
145	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Đình Chiểu	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,02					0,02
146	Chỉnh trang đô thị khu vực đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,19					0,19
147	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật ngõ 392, đường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,01					0,01
148	Đường giao thông nông thôn xã Phúc Triu, giai đoạn 2024-2026	Xã Phúc Triu, TPTN	0,85		0,49			0,36
149	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1,13		1,10			0,03
150	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 100 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,04					0,04
151	Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Triu, TPTN	2,63		2,63			
152	Nhà máy cấp nước Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,02					0,02

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
153	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Cầu Đá Mài)	Xã Tân Cương, TPTN	1,48					1,48
154	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Công - Đoạn 1)	Xã Tân Cương, TPTN	0,53					0,53
155	Xây dựng kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, TPTN	Phường Cam Giá, TPTN	4,85	0,00				4,85
156	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc	Phường Phú Xá, TPTN	0,56	0,56				
157	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Gia Sàng	Phường Tân Lập, TPTN	0,821	0,650	0,010			0,161
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,090		0,090			
158	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thái Nguyên (KFW3)	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Phú Xá, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Tân Lập, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Tích Lương, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Trung Thành, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,009	0,002				0,007
159	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,521	0,310	0,082			0,129
		Xã Tân Cương, TPTN	0,398	0,055	0,157			0,186
		Xã Phúc Triu, TPTN	0,289	0,163	0,023			0,104
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,361	0,476	0,573			0,311
160	Cải tạo đường dây điện ĐZ 22kv lộ 471 và 473 trạm 110kv Thịnh Đán cấp điện cho khu Nam Hồ Núi Cốc	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,020	0,010				0,010
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,020	0,010				0,010
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,030	0,010				0,020
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,010	0,010				
161	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,011	0,001				0,010
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,005					0,005
162	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Thái Nguyên năm 2024	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,004					0,004
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,009	0,004				0,006
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,011	0,002				0,009
163	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, TPTN	0,005		0,001			0,004
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,010					0,010
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,008					0,008

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
164	Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên - Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	0,026	0,020				0,006
		Phường Quan Triều, TPTN	0,050					0,050
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,028					0,028
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,023					0,023
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,446	0,171	0,080			0,195
165	Tháp Anten truyền hình Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	1,56		0,66			0,90
166	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	2,53					2,53
167	Hoàn thiện hạ tầng và khuôn viên cây xanh phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,41					0,41
168	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc 2 bên đường Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (trong đường Bắc Sơn kéo dài)	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,70	0,10	0,15			0,45
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,01					0,01
169	Xây dựng hạ tầng cảnh quan cây xanh khu dân cư số 11, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,38		1,02			0,35
170	Xây dựng, hoàn trả phần diện tích đất thu hồi của Giáo họ Nam Sơn, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Xã Linh Sơn, TPTN	0,30					0,30
171	Xây dựng hồ điều hòa tại khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,76	1,00	0,10			0,66



Phụ lục VI

Danh mục 04 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025
của thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số **3424** /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng		14,27	5,22				9,05
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0,55					0,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,49					3,49
3	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước ngõ 432, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,005					0,005



Phụ lục VII

Điều chỉnh diện tích đối với 01 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: **3429**/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau:							
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên														
1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,35	0,25			4,10	1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,81	0,25			4,56

Phụ lục VIII

Huỷ bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 51 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên do đã quá 02 năm chưa thực hiện

(Kèm theo Quyết định số 3424 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích huỷ bỏ
	Tổng		1.118,61		1.118,61
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên (thuộc Đề án sản xuất chè công nghệ cao)	Xã Phúc Triu, TPTN	0,12		0,12
2	Khu nhà ở số 1, phường Chùa Hang (thuộc Khu đất dự kiến hoàn vốn cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ)	Phường Chùa Hang, TPTN	7,07		7,07
3	Khu nhà ở Anh Thắng - Đái Bắc (chuyển mục đích)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,88		0,88
4	Khu dân cư mới phường Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh, TPTN	2,00		2,00
5	Khu nhà ở công nhân Gang Thép, phường Trung Thành,	Phường Trung Thành, TPTN	8,00		8,00
6	Khu đô thị mới Tích Lương	Phường Tích Lương, TPTN	287,02		287,02
7	Khu đô thị số 01 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	10,10		10,10
		Xã Quyết Thắng, TPTN	15,53		15,53
8	Khu đô thị số 02 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,28		6,28
		Xã Quyết Thắng, TPTN	17,41		17,41
9	Khu đô thị Hương Sơn	Phường Hương Sơn TPTN	39,56		39,56
10	Khu Tái định cư dự án xây dựng Sân vận động Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	16,68		16,68
11	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 3)	Xã Linh Sơn, TPTN	45,90		45,90
		Xã Huống Thượng, TPTN	15,53		15,53
12	Khu đô thị mới Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	96,36		96,36
		Xã Phúc Triu, TPTN	14,61		14,61
		Xã Quyết Thắng, TPTN	64,17		64,17
13	Khu nhà ở Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	14,28		14,28
14	Khu dân cư Đồng Xe xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	34,00		34,00
15	Khu đô thị mới Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	114,29		114,29

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
16	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0,13		0,13
17	Nhà văn hóa xóm Nam Đồng	Xã Tân Cương, TPTN	0,08		0,08
18	Bệnh viện đa khoa Trung tâm	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,37		0,37
19	Xây dựng Trại thực nghiệm của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	3,82		3,82
20	Tổ hợp Chợ truyền thống, trung tâm thương mại dịch vụ Gia Sàng (tên cũ là đầu tư xây dựng chợ Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	0,12		0,12
21	Đầu giá đất thương mại dịch vụ (thửa 157, tờ bản đồ 11 phường Tân Thành)	Phường Tân Thành, TPTN	0,01		0,01
22	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 1	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,08		0,08
23	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 2	Phường Trung Thành, TPTN	0,10		0,10
24	Công viên giải trí gắn liền dịch vụ du lịch trải nghiệm có trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên Eco Valley	Xã Phúc Triu, TPTN	35,24		35,24
25	Khu giáo dục trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp hữu cơ Eco Valley	Xã Phúc Triu, TPTN	24,60		24,60
26	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, dịch vụ bể bơi Việt Bắc	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,53		0,53
27	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,31		6,31
		Phường Tân Lập, TPTN	6,61		6,61
		Phường Tích Lương, TPTN	9,55		9,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,07		3,07
28	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, phường Tân Long, xã Cao Ngạn, xã Sơn Cẩm, TPTN	0,04		0,04
29	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ (bổ sung)	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,07		0,07
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,04		0,04
30	Khu đô thị số 3 Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	12,58		12,58
31	Khu dân cư liên tổ 13, 14 phường Túc Duyên (thuộc Khu đô thị mới Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	2,33		2,33
32	Khu dân cư số 9 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	0,10		0,10
33	Đầu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư số 1, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,01		0,01

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
34	Đầu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,04		0,04
35	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	2,00		2,00
36	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ tại thửa đất số 43, tờ BĐDC số 16, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN	0,05		0,05
37	Đầu giá khu đất thể dục thể thao tại thửa đất số 6, tờ BĐDC số 9, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN	0,53		0,53
38	Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đồ thải đất đá, xử lý chất thải tại xóm 1, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	0,46		0,46
39	Đường gom Quốc lộ 3 mới đoạn từ nút giao Thịnh Đán đến đường Bắc Sơn	Phường Thịnh Đán, TPTN	1,17		1,17
40	Xuất tuyến trung áp 22kV sau Trạm biến áp 110kV Sông Công 2 E6.21	Phường Tích Lương, TPTN	0,01		0,01
41	Xuất tuyến trung áp lộ 1 sau Trạm biến áp 110kV Thịnh Đán E6.4	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,06		0,06
		Phường Quang Trung, TPTN	0,04		0,04
42	Khu đô thị 10A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2,69		2,69
43	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1,83		1,83
44	Khu dân cư tổ 7 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	14,40		14,40
		Phường Phú Xá, TPTN	0,16		0,16
45	Khu dân cư tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	10,73		10,73
		Phường Tân Lập, TPTN	2,21		2,21
46	Khu đô thị mới số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	40,58		40,58
47	Khu đô thị Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	46,57		46,57
48	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, TPTN	47,55		47,55
49	Khu dân cư xóm Nam Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	15,67		15,67
50	Trạm xử lý nước thải phục vụ các thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - phường Thịnh Đán	Phường Tân Lập, TPTN	0,19		0,19
51	Mở rộng bãi thải Nam, nắn suối CD, hành lang an toàn Công ty Than Khánh Hoà, xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	16,08		16,08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thái Nguyên, năm 2024

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2025
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngày 25 tháng 12 năm 2024

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Huy

Ngày 16 tháng 12 năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

(Ký tên, đóng dấu)



TM.UBND TP. THÁI NGUYÊN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Tuệ

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của đăng ký kế hoạch sử dụng đất

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Điều 54 đã quy định: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Tại Mục 2, Chương 2, Điều 20, Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai nhằm phân bổ hợp lý đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng về đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định. Nguyên tắc, nội dung, căn cứ lập và thẩm định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được quy định cụ thể tại Chương V của Luật Đất đai năm 2024 (từ Điều 60 đến Điều 77). Tại Điều 67, Luật Đất đai năm 2024 đã quy định căn cứ, tiêu chí, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. Đây là nội dung nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực...; cụ thể hóa khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Thành phố Thái Nguyên là thành phố miền núi của tỉnh Thái Nguyên, có vị trí rất thuận lợi vì là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả tỉnh.

Với mục tiêu xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành thành phố phát triển theo hướng hiện đại, phát triển nền kinh tế dựa trên những nền tảng toàn diện, bền vững. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Với mục tiêu như trên sẽ làm phát sinh khá lớn nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích, đối tượng sử dụng trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên đã được phê duyệt tạo thuận lợi để phát triển kinh tế của thành phố, tuy nhiên trong thời kỳ phát triển kinh tế nhanh chóng hiện nay thường xuyên có sự biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố. Vì vậy, việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là cần thiết.

2. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên:

2.1. Mục đích

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Đảm bảo đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tạo đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như của tỉnh.

- Bố trí quỹ đất hợp lý để đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh.

- Bố trí sử dụng đất cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố trong bối cảnh của tỉnh, vùng và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp, các đối tượng sử dụng trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo và lãng phí trong quá trình sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai của thành phố để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các danh mục công trình, dự án trong năm 2025.

- Là cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2.2. Nội dung

Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên chủ yếu tập trung xác định một số chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu sau:

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất.

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất di tích danh thắng, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị...

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán cụ thể đến từng công trình, từng đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện trong năm 2025, phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Thái Nguyên, đồng thời phải đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và những yêu cầu cụ thể trong giai đoạn.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của thành phố và của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Sử dụng hợp lý vốn đầu tư, đất đai và tài nguyên khác.

2.3. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương, làm cơ sở đề xuất phương án kế hoạch;
- Xây dựng phương án kế hoạch, xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch;

2.4. Phạm vi lập kế hoạch sử dụng đất

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được lập trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

3. Căn cứ pháp lý lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;
- Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh quy mô, địa điểm và số lượng dự án, công trình trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030;

4. Bộ cục báo cáo

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, ngoài phần đặt vấn đề, bao gồm các nội dung chính sau:

- **Phần I:** Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- **Phần II:** Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025.
- **Phần III:** Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- **Phần IV:** Kết luận và kiến nghị.

5. Sản phẩm

Sản phẩm đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên bao gồm:

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên;
2. Bản đồ đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1:25.000;

3. Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Thái Nguyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật của tỉnh Thái Nguyên. Có toạ độ địa lý từ 210 đến 22027' vĩ độ Bắc; 105025' đến 106014' kinh độ Đông, nằm cách trung tâm Hà Nội 80 km về phía Bắc, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ;
- Phía Nam giáp thành phố Sông Công;
- Phía Tây giáp huyện Đại Từ;
- Phía Đông giáp huyện Phú Bình.

Thành phố có vị trí chiến lược, quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc. Là trung tâm giao lưu văn hoá của vùng Việt Bắc, là đầu mối giao thông trực tiếp liên hệ giữa các tỉnh miền xuôi nhất là thủ đô Hà Nội với các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang. Với vị trí địa lý như trên, thành phố Thái Nguyên có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế xã hội không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và trở thành một đô thị trung tâm của khu vực trung du miền núi phía Bắc.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của thành phố Thái Nguyên được coi như miền đồng bằng riêng của tỉnh Thái Nguyên. Ruộng đất tập trung ở hai bên bờ sông Cầu và sông Công được hình thành bởi sự bồi tụ phù sa của hai con sông này. Tuy nhiên, vùng này vẫn mang tính chất, dáng dấp của địa mạo trung du với kiểu bậc thềm phù sa và bậc thang nhân tạo, thềm phù sa mới và bậc thềm pha tích (đất dốc tụ). Khu vực trung tâm thành phố tương đối bằng phẳng, địa hình còn lại chủ yếu là đồi bát úp, càng về phía Tây bắc thành phố càng có nhiều đồi núi cao.

Nhìn chung, địa hình thành phố khá đa dạng phong phú, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mặt khác tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp phù hợp với kinh tế trang trại kết hợp giữa đồi rừng, cây ăn quả và các loại cây công nghiệp khác như chè, các loại cây lấy gỗ.

1.3. Khí hậu

Thành phố Thái Nguyên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang những đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc nước ta, được chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Theo số liệu của trạm khí tượng thủy văn Thái Nguyên

giai đoạn 2010 - 2020 cho biết: nhiệt độ trung bình trong năm là 22,80C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối là 39,50C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối là 20C.

Lượng mưa trung bình trong năm là 1.825 mm, cao nhất là 2.270 mm, thấp nhất là 1.370 mm, lượng mưa phân bố không đồng đều giữa các mùa trong năm. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa khá lớn nhưng không đều và tập trung vào các tháng 6,7,8 chiếm 80 – 85% lượng mưa cả năm.

Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa này thường có gió mùa đông bắc, tiết trời khô hanh, mưa ít gây hạn hán, rét đậm kéo dài gây nhiều khó khăn trong sản xuất. Tuy nhiên, khí hậu mùa này rất phù hợp để phát triển các loại cây ôn đới như su hào, cải bắp, cải làn, xà lách, hoa ly.

Hướng gió chính là gió mùa đông bắc, tốc độ gió trung bình 3,0m/s, độ ẩm không khí trung bình năm là 82%, lượng nước bốc hơi bình quân trong năm là 705 mm, tổng số giờ nắng khoảng 250,2 giờ, năng lượng bức xạ đạt 110kcal/cm2/năm

Như vậy, khí hậu thành phố Thái Nguyên tương đối thuận lợi cho việc phát triển một hệ sinh thái đa dạng và bền vững, thuận lợi cho phát triển ngành nông-lâm nghiệp và là nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

1.4. Thủy văn

1.4.1. Chế độ thủy văn mùa lũ

Mùa lũ trên các sông ở thành phố Thái Nguyên bắt đầu tương đối đồng nhất về thời gian, xuất hiện vào đầu tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 10, đầu tháng 11, tỷ lệ xuất hiện lũ nhiều vào các tháng 6,7,8 và 9. Số trận lũ trung bình 1 năm từ 1,5 - 2,0 trận. Thời gian duy trì mực nước lũ ở cấp báo động 3 bình quân từ 25 - 34 ngày đối với sông Cầu và 7 ngày đối với sông Công. Còn ở cấp báo động 2 thì bình quân 30 - 55 ngày ở sông Cầu và 11 ngày ở sông Công.

Lượng nước trên các sông trong mùa lũ thường chiếm trên 75% lượng nước cả năm. Trong mùa lũ, phân phối dòng chảy của các tháng không đều. Lũ lớn thường tập trung vào giữa mùa lũ đối với hệ thống sông Cầu và vào cuối mùa lũ đối với hệ thống sông Công. Ba tháng có lượng dòng chảy lớn nhất với sông Cầu là tháng 6,7,8, còn đối với sông Công là tháng 7,8,9. Lượng dòng chảy 1 tháng lớn nhất của cả 2 sông đều xuất hiện vào tháng 8 chiếm khoảng 21% lượng dòng chảy trong năm (trên sông Cầu tại thác Bưởi là 128 m³/s và trên sông Công tại Tân Cương là 39,2 m³/s). Đỉnh lũ lớn nhất ở hệ thống sông Cầu lên tới 28,28 m ở Gia Bầy; 11,35 m ở Chã và ở hệ thống sông Công là 30,2 m ở Tân Cương.

1.4.2. Chế độ thủy văn mùa cạn

Nhìn chung trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, mùa cạn của các sông, suối kéo dài khoảng 4 tháng (từ tháng 12 đến tháng 3). Thời điểm bắt đầu và kết thúc của mùa cạn ít biến đổi giữa các khu vực, thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào cuối tháng 4. Lượng nước trên sông trong các tháng này bình quân mỗi

tháng chỉ bằng 1,5 - 2,0% tổng lượng nước trên sông cả năm. Do đó trong các tháng mùa cạn nước trên sông suối thường không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn.

1.5. Các nguồn tài nguyên

1.5.1. Tài nguyên đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, thành phố Thái Nguyên có tổng diện tích tự nhiên là 22.211,63ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp có 13.710,61ha chiếm 61,73% tổng diện tích tự nhiên, đất phi nông nghiệp là 8.434,72ha chiếm 37,79% tổng diện tích tự nhiên và đất chưa sử dụng có 66,30 ha, chiếm 0,3% tổng diện tích tự nhiên.

Nhìn chung, với đặc điểm địa hình đa dạng, đất đai phong phú, cho phép thành phố Thái Nguyên phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế, đặc biệt là chè và các sản phẩm nông nghiệp khác như rau, hoa, cây cảnh... Tuy nhiên, những năm gần đây diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp dần do quá trình đô thị hóa, hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu đô thị mới... điều đó đòi hỏi cần phải nhanh chóng hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, sản xuất theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu về nông sản phẩm của thành phố và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

1.5.2. Tài nguyên nước

- Sông Cầu: Có chiều dài 288 km, diện tích lưu vực 6.030km², tổng lượng nước của sông khoảng 4,5 tỷ m³/năm). Sông được bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn (Bắc Kạn) chảy theo hướng Đông Bắc - Tây Nam qua Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, Phú Bình gặp sông Công tại Phù Lôi huyện Phổ Yên. Độ cao bình quân lưu vực 190 m, mật độ lưới sông 0,95 km/km², độ dốc trung bình 16,1%, chiều rộng lưu vực trung bình 31 km, hệ số uốn khúc 2,02 và lưu lượng trung bình 153m³/s. Chiều dài của sông chảy qua địa phận Thái Nguyên khoảng 110 km; lượng nước đến bình quân khoảng 2,28 tỷ m³/năm.

Hiện tại đã xây dựng hệ thống thủy nông sông Cầu (trong đó có đập Thác Huống) tưới cho 24.000 ha lúa 2 vụ thuộc huyện Phú Bình và Hiệp Hòa, Tân Yên (Bắc Giang).

- Sông Công: Là phụ lưu cấp I của sông Cầu, diện tích lưu vực 951 km², sông có chiều dài là 96 km, bắt nguồn từ vùng núi Bá Lá huyện Định Hóa chảy dọc theo chân núi Tam Đảo. Toàn bộ chiều dài của sông nằm trọn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Dòng sông này đã được ngăn lại ở Đại Từ tạo thành hồ Núi Cốc (có mặt nước rộng khoảng 2.500 ha, chứa được 175 triệu m³ nước) nhằm điều hòa dòng chảy và cung cấp nước tưới cho 12.000 ha đất canh tác, nước sinh hoạt cho thành phố Thái Nguyên và thành phố Sông Công. Lưu vực sông có độ cao trung bình 224 m, độ dốc 27,3% (rất cao so với các sông khác); tổng lượng nước

sông khoảng 794.106m^3 , lưu lượng trung bình năm $25\text{m}^3/\text{s}$ và modul dòng chảy năm vào khoảng 26 l/s.km^2 .

1.5.3. Tài nguyên rừng

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, diện tích rừng của thành phố là $2.757,29 \text{ ha}$, chiếm $12,42\%$ diện tích tự nhiên; trong đó rừng sản xuất có $1906,09 \text{ ha}$ chiếm $8,58\%$ diện tích tự nhiên; rừng phòng hộ có $567,50 \text{ ha}$ chiếm $2,55\%$ diện tích tự nhiên, thành phố không có rừng đặc dụng.

Nhìn chung, rừng ở thành phố Thái Nguyên chủ yếu là rừng nghèo, rừng trung bình còn ít. Trong những năm gần đây công tác trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc nên diện tích trồng rừng mới được tăng lên, đã nâng cao độ che phủ của rừng, bảo vệ đất, cải thiện môi trường sinh thái.

1.5.4. Tài nguyên khoáng sản

Nhìn chung tài nguyên khoáng sản của thành phố Thái Nguyên không nhiều, chủ yếu là than và khoáng sản vật liệu xây dựng:

- Than: Trên địa bàn thành phố có mỏ than Khánh Hòa (thuộc Tập đoàn than kháng sản Việt Nam) có trữ lượng khoảng 46 triệu tấn.

- Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng: Có đá xây dựng, cát sỏi....trong đó sét làm gạch ngói chủ yếu nằm tại Núi Voi và cát sỏi dùng cho xây dựng.

1.5.5. Tài nguyên nhân văn

Thành phố Thái Nguyên hiện có 32 đơn vị hành chính trong đó có 21 phường và 11 xã với số dân 348.192 người. Trên địa bàn thành phố có đông đảo đội ngũ sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đây là nguồn lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển của thành phố, của tỉnh và cả nước.

1.6. Thực trạng môi trường

Những năm qua, công tác quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố đã được quan tâm, chú trọng nên đã đạt nhiều kết quả tích cực, nhiều biện pháp, giải pháp được xây dựng, đề xuất nhằm ngăn chặn, giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên do tốc độ phát triển kinh tế xã hội, quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa và gia tăng dân số... đã làm gia tăng chất thải gây ô nhiễm môi trường, do khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên làm suy giảm chất lượng môi trường trong đó có môi trường đất.

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Tình hình kinh tế thế giới trong năm 2024 biến động khó lường, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp và gây hậu quả nghiêm trọng. Căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư



Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

và phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi nhưng chậm.

Ở trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Song nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục còn nhiều khó khăn do nền kinh tế nước ta vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức từ những diễn biến mới, yếu tố bất lợi bên ngoài và hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Bên cạnh đó, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ tiếp tục diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân.

Trong bối cảnh đó, nhờ sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh, Thành ủy, HĐND, sự chỉ đạo quyết liệt của UBND thành phố, sự nỗ lực, đoàn kết của cả hệ thống chính trị, sự cố gắng của các phòng, ban, đơn vị, địa phương thuộc thành phố, cùng sự tham gia tích cực của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, thành phố Thái Nguyên đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những kết quả đáng ghi nhận về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Các lĩnh vực kinh tế duy trì đà tăng trưởng ổn định, công nghiệp chế biến, dịch vụ và đầu tư công tiếp tục là động lực phát triển chính. Hạ tầng đô thị được nâng cấp và hoàn thiện theo hướng hiện đại. An sinh xã hội được đảm bảo, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện. Đồng thời, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển bền vững và toàn diện của thành phố trong những năm tiếp theo. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của thành phố: Có 07/10 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch giao; 03/10 chỉ tiêu chủ yếu không đạt kế hoạch giao. Cụ thể như sau:

2.1. Hoạt động Dịch vụ - Thương mại

UBND thành phố đã chỉ đạo nhiều giải pháp cụ thể để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng hàng hoá kịp thời, đa dạng, phong phú về chủng loại và mẫu mã, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng như: Triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, thiết lập, xây dựng các kênh phân phối hàng Việt, các hội chợ thương mại, triển lãm, các chương trình đưa hàng Việt Nam về nông thôn... Tiến hành rà soát, đề xuất điều chỉnh định hướng phát triển thương mại, mạng cơ sở dịch vụ hạ tầng xã hội; rà soát, dành quỹ đất cho xây dựng mạng lưới chợ, từng bước xóa bỏ chợ tạm, nâng cấp, chỉnh trang xây dựng các chợ trên địa bàn thành phố.

Chỉ đạo kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về hàng giả, hàng kém chất lượng, kinh doanh trái phép, các hành vi vi phạm về nhãn, mác, giá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2024 ước đạt 51.737,8 tỷ đồng, tăng 17,4% so với năm 2023 (Trong đó, khu vực Doanh nghiệp ước đạt 22.171,6 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên
2023; khu vực cá thể ước đạt 29.566,2 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2023).

2.2. Sản xuất công nghiệp

UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tạo các điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh phát triển hoạt động; khuyến khích các sản phẩm có giá trị cao theo hướng ưu tiên công nghiệp sạch, các sản phẩm có lợi thế; kịp thời phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục về: Thuê đất, cấp giấy chứng nhận đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường để tiến hành đầu tư xây dựng các Nhà máy, xưởng sản xuất và làng nghề. Triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định năm 2024 và các năm tiếp theo trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng các khu tái định cư phục vụ xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1, Sơn Cẩm 2, Sơn Cẩm 3 để thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp và làm cơ sở để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp mới được bổ sung vào quy hoạch tỉnh Thái Nguyên tại khu vực phía Nam thành phố.

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) trên địa bàn ước đạt 39.064,4 tỷ đồng, tăng 4,1% so với năm 2023 (trong đó, khu vực nhà nước ước đạt 20.722,9 tỷ đồng, tăng 1,3% so với năm 2023, khu vực ngoài nhà nước ước đạt 15.094,6 tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm 2023, khu vực có vốn đầu tư từ nước ngoài ước đạt 3.247 tỷ đồng, giảm 8,9% so với năm 2023). Giá trị sản xuất công nghiệp địa phương (theo giá so sánh 2010) năm 2024 ước đạt 15.105,4 tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm 2023 và bằng 94,6% kế hoạch tỉnh và thành phố giao năm 2024.

2.3. Thu, chi ngân sách

- Thu ngân sách:

+ Kế hoạch thu NSNN tỉnh giao: 3.380,3 tỷ đồng (trong đó: Thu thuế, phí, thu khác: 1.380,3 tỷ đồng; Thu tiền sử dụng đất 2.000 tỷ đồng). Kế hoạch thu NSNN thành phố giao: 3.580,3 tỷ đồng (trong đó: Thu thuế, phí, thu khác: 1.380,3 tỷ đồng; Thu tiền sử dụng đất 2.200 tỷ đồng).

+ Kết quả: Thu ngân sách nhà nước năm 2024 ước đạt: 3.080,3 tỷ đồng, bằng 91,1% kế hoạch tỉnh và bằng 86% kế hoạch thành phố. Trong đó: Thu thuế, phí, thu khác ước đạt 1.380,3 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch tỉnh và thành phố. Thu tiền sử dụng đất ước đạt: 1.700 tỷ đồng bằng 85% kế hoạch tỉnh và bằng 77,3% thành phố. Nguyên nhân do dự toán thu tiền sử dụng đất năm 2024 bao gồm cả số thu từ dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ trung tâm thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, dự án đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để đề xuất dự án nên số thu tiền sử dụng đất dự kiến vào ngân sách năm 2025.

- Chi ngân sách: Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của thành phố: 3.009,334 tỷ đồng. Kết quả thực hiện năm 2024 ước đạt: 3.130 tỷ đồng, bằng 111,4%

kế hoạch tỉnh và 104% thành phố. Trong đó: Chi thường xuyên ước đạt: 1.410,6 tỷ đồng, bằng 109,9% kế hoạch thành phố. Chi đầu tư phát triển ước đạt: 1.341,4 tỷ đồng, bằng 111,1% kế hoạch thành phố. Đảm bảo chi thường xuyên, chi phục vụ các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn thành phố.

2.4. Công tác quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 1.054,29 tỷ đồng. Giá trị giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 15/11/2024 đạt 343,95 tỷ đồng, bằng 32,62% kế hoạch. Dự ước hết năm 2024, giá trị giải ngân vốn đầu tư công đạt: 976,15 tỷ đồng, bằng 92,59% kế hoạch.

2.5. Sản xuất nông, lâm nghiệp

Tính chung cả năm 2024: Tổng diện tích thu hoạch đạt 9.023 ha, bằng 86,2% (*tương đương giảm 1.444 ha*) so với cùng kỳ; trong đó, diện tích cây lương thực có hạt đạt 6.242 ha, bằng 86,9% (*tương đương giảm 938 ha*) so với kế hoạch và bằng 84,2% (*tương đương giảm 1.172 ha*) so với cùng kỳ. Tổng sản lượng cây trồng chính hàng năm ước thực hiện cả năm 2024 là 76.836 tấn, bằng 84% (*tương đương tăng 4.464 tấn*) so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng lương thực có hạt ước đạt 33.238 tấn, bằng 81,3% (*tương đương giảm 5.562 tấn*) so với kế hoạch, bằng 81,2% (*tương đương giảm 7.721 tấn*) so với cùng kỳ. Sản lượng rau, đậu các loại vụ mùa 2024 ước đạt 40.945 tấn, bằng 87,4% (*tương đương giảm 5.912 tấn*) so với cùng kỳ, bằng 96,8% kế hoạch tỉnh giao và bằng 96,3% so với kế hoạch thành phố giao năm 2024.

Cây chè và cây ăn quả trên địa bàn phát triển tốt. Các đơn vị chuyên môn tiếp tục triển khai và hướng dẫn trồng mới và trồng thay thế chè năm 2024, đồng thời tăng cường mở các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, sản xuất chè theo quy trình VietGAP, hướng dẫn theo dõi, cách phòng trừ sâu bệnh hại trên cây chè. Triển khai thực hiện các mô hình sản xuất thâm canh chè, mô hình sản xuất chè an toàn theo quy trình VietGAP. Ước diện tích chè mới trồng và trồng phục hồi năm 2024 là 25,2 ha. Sản lượng chè búp tươi năm 2024 ước đạt 23.223 tấn, bằng 101,2% so với năm 2023, bằng 101,4% kế hoạch tỉnh, thành phố giao năm 2024. Thành phố tiếp tục chỉ đạo trồng mới cây ăn quả và cải tạo một số diện tích già cỗi cho năng suất, giá trị thấp. Dự ước đến hết năm 2024 diện tích cây ăn quả trên địa bàn hiện có 1.030 ha, diện tích cây ăn quả trồng mới đạt khoảng 32,81 ha, chủ yếu là cây chuối, bưởi, mít và ổi.

Công tác bảo vệ rừng: Diện tích rừng trồng tập trung sau khai thác đạt 116,79 ha. Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025, lũy kế đến nay đạt 70.250 cây phân tán (*Trong đó có cây xanh đô thị: 750 cây; cây xanh nông thôn: 69.500 cây*). Tổng khối lượng khai thác: 7.270 m³ và 2.160 ste củi.

Phát triển chăn nuôi trang trại tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ. Tổ chức triển khai, cấp hóa chất

thực hiện công tác phun, tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh động vật, tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Kiểm tra thường xuyên các điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Sản lượng thủy sản năm 2024 ước đạt 1.172 tấn, bằng 90% so với năm 2023, bằng 86,8% kế hoạch tỉnh và thành phố giao năm 2024.

2.6. Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Triển khai Đề án Xây dựng nông thôn mới thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025. Theo kế hoạch năm 2024, thành phố Thái Nguyên có 07 xã đạt NTM nâng cao (*Phúc Xuân, Phúc Trìu, Phúc Hà, Sơn Cẩm, Linh Sơn, Cao Ngạn, Hướng Thượng*) và 04 xã đạt NTM kiểu mẫu (*Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đức, Đồng Liên*). Kết quả: Có 03 đơn vị hoàn thiện tiêu chí và hồ sơ trình thẩm định là Phúc Xuân, Phúc Trìu, Thịnh Đức. 08 đơn vị còn lại đang tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt. Các cơ quan chức năng của thành phố tích cực kiểm tra, hướng dẫn các địa phương hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhất là các tiêu chí về nước sạch, vệ sinh môi trường, giáo dục, y tế, quy hoạch... phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2024. Thành phố đã tổ chức hội nghị trao đổi, làm việc với Công ty Cổ phần nước sạch Thái Nguyên tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thành chỉ tiêu nước sạch nông thôn tại các xã Phúc Xuân, Phúc Trìu, Đồng Liên. Quyết định phân bổ xi măng hỗ trợ các xã xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2024 theo kế hoạch. Chỉ đạo rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí của UBND các xã đăng ký về đích NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2024.

Triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm thành phố Thái Nguyên năm 2024; Kế hoạch đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP năm 2024 trên địa bàn thành phố. Xây dựng kế hoạch tổ chức 09 lớp tập huấn cho hơn 550 đối tượng không hưởng lương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

2.7. Công tác phòng, chống thiên tai:

Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố, các cơ quan chức năng, UBND các phường, xã thường xuyên theo dõi nắm bắt dự báo thời tiết và có kế hoạch, phương án để ứng phó kịp thời. UBND thành phố Thái Nguyên đã ban hành nhiều văn bản, công điện để triển khai ứng phó với thiên tai và cơn bão số 3 (YAGI). Thường trực Thành ủy, Lãnh đạo UBND thành phố tổ chức nhiều đợt kiểm tra công tác phòng chống thiên tai 24/7 tại nơi xung yếu, các xã, phường, các khu vực ngầm tràn, đập tràn, cầu phao, cầu treo trên địa bàn thành phố để kịp thời chỉ đạo các địa phương đảm bảo công tác ứng phó thiên tai. Huy động cả hệ thống chính trị của thành phố, các lực lượng vũ trang, các lực lượng khác và Nhân dân tập trung ứng phó với thiên tai.

Năm 2024, trên địa bàn thành phố xảy ra 03 đợt mưa vừa, mưa to, giông, đặc biệt do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (YAGI) đã gây ra lũ lụt lịch sử, gây ngập lụt

nặng tại một số xã, phường trên địa bàn thành phố. Thiệt hại ước tính trên 350 tỷ đồng.

2.8. Công tác quy hoạch, quản lý đô thị

Triển khai Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045. Tiếp tục hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2035.

Tổ chức lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt 01 quy hoạch chung; 18 quy hoạch phân khu, 19 quy hoạch chi tiết; thẩm định 14 quy hoạch chi tiết và 08 quy hoạch chung xây dựng của các chủ đầu tư. Giới thiệu địa điểm, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng cho trên 600 cơ quan, đơn vị và cá nhân. Tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc; hoạt động xây dựng; hạ tầng kỹ thuật, giao thông... của các tổ chức, cá nhân với tổng số trên 4.300 hồ sơ theo quy định của pháp luật. Phê duyệt 54 dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền. Đề xuất chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư 25 dự án đầu tư công.

Về công tác chỉnh trang đô thị: Triển khai dự án Lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại một số nút giao trên địa bàn thành phố Thái Nguyên; lắp đặt và đấu nối hệ thống chiếu sáng đường dân sinh trên địa bàn một số xóm, tổ dân phố. Chỉ đạo các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trước và trong mùa mưa bão trên đường bộ. Đảm bảo an toàn giao thông đường địa phương và tu sửa hệ thống cầu cống theo kế hoạch và sẵn sàng tham gia diễn tập khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự.

Triển khai đợt cao điểm kiểm tra xử lý vi phạm trật tự xây dựng, an toàn giao thông, mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường theo kế hoạch năm 2024. Tổ chức Hội nghị ký cam kết với 32 phường, xã về công tác quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng và mỹ quan đô thị năm 2024.

2.9. Tiến độ triển khai thực hiện các dự án vay vốn ngân hàng thế giới WB

** Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Thái Nguyên*

Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Thái Nguyên đã hết thời hạn Hiệp định vào ngày 30/6/2022, dự án có 13/13 hạng mục công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và có quyết định phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư xây dựng công trình. Hiện nay, thành phố đang chỉ đạo các đơn vị thực hiện chi trả và hoàn thiện hồ sơ quyết toán theo Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính.

Về nguồn vốn vay WB: Đã giải ngân 100% nguồn vốn vay cho dự án trong năm 2022. Về nguồn vốn đối ứng: Tổng vốn đối ứng của dự án là: 560,170 tỷ đồng. Tổng giá trị quyết toán dự án hoàn thành là: 551,659 tỷ đồng, trong đó: Tổng chi

phí đã phê duyệt quyết toán là: 550,649 tỷ đồng. Tổng chi phí chưa được phê duyệt quyết toán: 1,009 tỷ đồng.

** Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực thành phố Thái Nguyên*

Về nguồn vốn vay WB: Lũy kế vốn giải ngân, thanh toán nguồn vốn IDA của toàn dự án là: 1.176,442/1.282,5 tỷ đồng, đạt 91,73% tổng vốn vay IDA của dự án. Về nguồn vốn đối ứng: Kế hoạch vốn giao năm 2024 đã điều chỉnh là: 36,822 tỷ đồng. Đã hoàn thành việc giải ngân thanh toán cho dự án đến ngày 20/11/2024 đạt: 36,82 tỷ đồng, đạt 99,9% kế hoạch giao. Lũy kế giải ngân thanh toán vốn đối ứng toàn dự án đến ngày 20/11/2024 đạt: 856,45 tỷ đồng, đạt 88,6% tổng vốn đối ứng của dự án.

2.10. Công tác tài nguyên môi trường; bồi thường hỗ trợ và tái định cư

Chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Đất đai năm 2013; Luật Đất đai năm 2023; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên. Triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn thành phố. Triển khai các Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, công tác đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư công. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, khai thác khoáng sản tại 19 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Tổ chức hội nghị ký cam kết trách nhiệm trong công tác quản lý về tài nguyên khoáng sản giữa Chủ tịch UBND thành phố với 32 Chủ tịch UBND các phường, xã.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, tiến độ bồi thường GPMB các khu dân cư, khu đô thị. Năm 2024, thành phố thực hiện công tác thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với 36 dự án, với tổng diện tích thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB là 15 ha, giá trị bồi thường, hỗ trợ khoảng 233,69 tỷ đồng của 269 hộ gia đình, cá nhân và 03 tổ chức. Quyết định giao đất cho 209 hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tái định cư; tổ chức bàn giao mốc giới tại thực địa các thửa đất cho 207 hộ gia đình, cá nhân. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 243 ô đất với tổng diện tích 4,5ha, tổng số tiền trúng đấu giá là trên 655 tỷ đồng. Công tác cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu: Tiếp nhận 336 hồ sơ, đã giải quyết xong 224 hồ sơ, trả về 39 hồ sơ, đang thụ lý giải quyết 73 hồ sơ. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, khai thác khoáng sản tại 21 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, cấp giấy phép môi trường cho 05 đơn vị.

2.11. Công tác thông tin tuyên truyền, văn hoá, thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng năm 2024.

Công tác quản lý di sản văn hóa, di tích, lễ hội: Chỉ đạo các phường, xã xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội năm 2024. Kiện toàn Ban Quản lý các di tích lịch sử; lập danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn thành phố; hướng dẫn các địa phương về thủ tục, hồ sơ quản lý di sản văn hóa, tổ chức lễ hội theo quy định.

Công tác quản lý nhà nước về du lịch: Triển khai Đề án Phát triển du lịch thành phố năm 2024. Chỉ đạo các đơn vị đảm bảo tốt cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024; nghỉ lễ 30/4 và 01/5; nghỉ lễ 02/9. Tích cực thông tin, tuyên truyền hưởng ứng mạnh mẽ phong trào “*Người Thái Nguyên đi du lịch Thái Nguyên*”. Chỉ đạo lập fanpage “Du lịch xứ trà” và tổ chức cuộc thi video clip và ảnh về du lịch thành phố Thái Nguyên với chủ đề “*Vẻ đẹp từ hình ảnh đến khám phá trải nghiệm*” năm 2024. Triển khai cho 279 cơ sở kinh doanh lưu trú đăng ký và sử dụng phần mềm lưu trú (ASM). Tham gia các hoạt động trong Chương trình Tuần văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh. Thực hiện chính sách hỗ trợ cho Điểm du lịch cộng đồng xã Tân Cương theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh và Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/04/2021 của UBND tỉnh với tổng kinh phí đã hỗ trợ trên 480 triệu đồng.

Tổ chức Hội nghị gặp gỡ, trao đổi giữa Lãnh đạo UBND thành phố với Ban Chấp hành hiệp hội du lịch tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan, doanh nghiệp, HTX hoạt động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn thành phố.

Công tác Thể dục, Thể thao: Thực hiện Kế hoạch triển khai cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, giai đoạn 2021-2030. Phối hợp tổ chức Hội khỏe phù đổng toàn quốc lần thứ X năm 2024, khu vực II tại Thái Nguyên. Phối hợp tổ chức giải vô địch Roller sports Cúp quốc gia năm 2024, giải Chạy bán Marathon tỉnh Thái Nguyên năm 2024 (*mở rộng*). Phối hợp tổ chức giải cờ tướng Bát Kiện - Hương Trà Thái Nguyên lần thứ nhất năm 2024. Thành lập Đoàn vận động viên tham gia Giải chạy Việt dã Tiền phong - Chạy tập thể tỉnh; giải cầu lông trung, cao tuổi, Giải cầu lông vô địch tỉnh Thái Nguyên năm 2024. Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao các xã: Đồng Liên, Sơn Cẩm, Cao Ngạn, Phúc Hà, Huống Thượng.

2.12. Công tác giáo dục và đào tạo

Năm học 2023-2024, ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và công tác quản lý giáo viên, nhân viên; Tổ chức tổng kết năm học 2023 - 2024, triển khai phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024 -2025. Tổ chức xét, công nhận tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 năm 2024 tại các Hội đồng xét tốt nghiệp THCS theo đúng quy định. Kết quả giáo dục năm học 2023- 2024 đạt chất lượng tốt, thành tích tại các cuộc thi cấp tỉnh đạt cao, thành phố Thái Nguyên đứng đầu 9 huyện thành, thị của tỉnh về cơ cấu giải. Tổ chức tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2024 -

2025 đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức các hoạt động khai giảng năm học mới 2024 - 2025 đúng quy định. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch phòng chống, ứng phó, khắc phục ảnh hưởng, hậu quả của hoàn lưu cơn bão số 3. Huy động các lực lượng xã hội, cán bộ, giáo viên tham gia các hoạt động từ thiện, giúp đỡ các nhà trường, cán bộ giáo viên, học sinh bị ảnh hưởng do hoàn lưu cơn bão số 3, đảm bảo an toàn để học sinh đến trường.

Tổ chức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia trường mầm non, tiểu học, THCS. Đến nay, toàn Thành phố có 116/123 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 94,3% (trong đó có 43/47 trường Mầm non, tỷ lệ 91,5%; 38/40 trường tiểu học, tỷ lệ 95%; 35/36 trường THCS, tỷ lệ 97,2%). Có tổng số 02/22 trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 9,1%.

Phê duyệt rà soát quy hoạch chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường học giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031. Thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động và các chế độ chính sách khác cho cán bộ quản lý giáo dục, viên chức, nhân viên, hợp đồng giáo dục theo quy định. Quyết định đánh giá xếp loại viên chức quản lý giáo dục theo quy định. Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo; Giao hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; Giao định mức khoán thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nấu ăn năm 2024 cho các nhà trường.

2.13. Công tác lao động - Chính sách xã hội

Công tác an sinh xã hội: Thành phố chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 5.000 đối tượng chính sách, người có công và trên 6.800 đối tượng bảo trợ xã hội. Đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội khác. Thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, với tổng trị giá trên 7,3 tỷ đồng. Thực hiện tốt công tác thăm hỏi, tặng quà đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, đại diện thờ cúng liệt sĩ trên địa bàn thành phố nhân dịp kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2024). Tiếp nhận, trình sở Lao động Thương binh và Xã hội 264 hồ sơ giải quyết chế độ ưu đãi.

Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Tăng cường các biện pháp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, rà soát trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: Trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày; tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em. Quyết định từ hỗ trợ cho 1.320 lượt trẻ

em với số tiền trên 800 triệu đồng và quà. Hỗ trợ tặng quà cho 60 trẻ em và trường Tiểu học Túc Duyên bị ảnh hưởng bởi bão số 3 với số tiền trên 400 triệu đồng.

Công tác Lao động - Việc làm - Dạy nghề- BHXH: Triển khai Kế hoạch thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn thành phố Thái Nguyên năm 2024; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn thành phố Thái Nguyên cho 445 người.

Triển khai Kế hoạch phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2024 trên địa bàn thành phố. Kế hoạch triển khai đợt cao điểm tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình năm 2024.

Công tác giảm nghèo: Rà soát, báo cáo hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn thành phố. Triển khai “Tuần cao điểm Tết vì người nghèo”, chăm lo Tết cho 414 hộ nghèo, 513 hộ cận nghèo đảm bảo mỗi hộ nghèo được hỗ trợ ít nhất 600.000 đồng/hộ, hộ cận nghèo 500.000 đồng/hộ. Triển khai thực hiện Đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025. *Quyết định hỗ trợ chi phí hỏa táng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 26 ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên đối với 1.102 người với kinh phí trên 4,2 tỷ đồng.*

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội: Triển khai hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy năm 2024.

2.14. Công tác y tế, dân số, phòng, chống dịch.

Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành của thành phố, tiến hành kiểm tra về phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm tại Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm phường, xã, các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, bếp ăn tập thể trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân. Nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo kế hoạch. Tiếp tục triển khai các nội dung trong Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tới các phường, xã. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Dự án, đề án thuộc chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

2.15. Công tác dân tộc, tôn giáo, tổ chức Hội: Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

- **Công tác dân tộc:** Triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, thường xuyên quan tâm đến người có uy tín trên địa bàn thành phố theo đúng quy định. Tổ chức thành công Đại hội các dân tộc thiểu số thành phố thái

Nguyên lần thứ III năm 2024, bầu chọn đoàn đại biểu chính thức dự Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV năm 2024. Tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024 trên địa bàn thành phố. Tổng hợp ý kiến đề chuẩn bị tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với Đại biểu dự Đại hội các dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV - Năm 2024. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn thành phố theo kế hoạch.

- *Công tác tôn giáo*: Tăng cường công tác quản lý nhà nước tôn giáo trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn thủ tục và điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đảm bảo theo đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn. Lực lượng Công an và các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố đã chủ động nắm bắt tình hình, phối hợp duy trì đảm bảo an ninh trật tự cho các hoạt động tôn giáo diễn ra trên địa bàn như: Lễ Noel, Lễ Phục sinh năm 2024, Lễ vu lan, Lễ Phật đản; Lễ hội tại các chùa đầu năm 2024... không để diễn ra các hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi về tâm linh ở các cơ sở tôn giáo và thờ tự trên địa bàn thành phố.

- *Công tác quản lý Hội*: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tổ chức hội trên địa bàn. Quyết định công nhận Ban vận động Hội Doanh nghiệp phường Hoàng Văn Thụ; công nhận Hội Cựu Công an nhân dân thành phố Thái Nguyên; quyết định phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp phường Hoàng Văn Thụ; Hướng dẫn tổ chức Đại hội Hội Đông y các cấp nhiệm kỳ 2024 - 2029; chỉ đạo, hướng dẫn Hội Liên hiệp thanh niên thành phố Thái Nguyên thực hiện quy trình tổ chức Đại hội đại biểu Hội LHTN thành phố Thái Nguyên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

2.16. Công tác tổ chức cán bộ, thi đua, khen thưởng

Thực hiện công tác tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ, công chức, viên chức, công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND thành phố theo quy định. Thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng, ban, đơn vị; chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm các phòng quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, UBND các phường xã trên địa bàn thành phố theo quy định. Tổ chức các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, hiệu quả, nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, chế độ thi đua khen thưởng và kỷ luật theo quy định.

2.17. Công tác cải cách hành chính, công tác chuyển đổi số

Công tác cải cách hành chính: Năm 2024, UBND thành phố Thái Nguyên đã xây dựng 15 nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện công tác cải cách hành chính, tính đến tháng 9/2024 đã hoàn thành 11/15 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 73,3% kế hoạch. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức, đạt hiệu quả. Thành phố ban hành kế hoạch và tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu công tác cải cách hành chính, công tác chuyển đổi số” thành phố Thái Nguyên năm 2024. Thực hiện niêm yết công khai tổng số 273 TTHC cấp huyện và 120 TTHC cấp xã tại Bộ phận Một cửa thành phố và UBND các phường, xã; công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố, Trang thông tin điện tử các phường, xã để thuận tiện cho tổ chức và công dân tra cứu. Thực hiện công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và cơ quan tiếp nhận là Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên tại Bộ phận Một cửa các cấp theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện tốt quy trình giải quyết công việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính của UBND thành phố và các phường, xã.

Tiếp đoàn kiểm tra của Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024 tại UBND thành phố Thái Nguyên; kiểm tra đột xuất công vụ tại UBND phường Tân Thịnh, phường Hương Sơn. Thành lập đoàn kiểm tra của thành phố thực hiện kiểm tra công vụ, công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công: 05 đơn vị xã, phường.

Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch triển khai mô hình điểm "Chính quyền thân thiện Nhân dân phát huy quyền làm chủ" năm 2024 tại phường Đồng Quang và phường Hoàng Văn Thụ. Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức lớp bồi dưỡng công tác cải cách hành chính đối với 106 cán bộ, công chức thuộc thành phố; tổ chức Hội nghị phổ biến nội dung nâng cao Hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2024 cho 350 cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn phường Trung Vương và xã Cao Ngạn.

Công tác chuyển đổi số: Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2024; kế hoạch triển khai chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Kế hoạch kiểm tra công tác quản lý Nhà nước thông qua môi trường số và hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn thành phố Thái Nguyên năm 2024; Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn thành phố. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; UBND các phường, xã; các nhà trường xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin. Đến nay đã trình Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, phê duyệt hồ sơ của 32 phường, xã và 140 đơn vị trường học.

Ban hành Kế hoạch số về triển khai gắn mã QR-code biển tên các tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2026 và đã thực hiện xong việc dán mã QR-code biển tên các tuyến phố văn minh đô thị. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên
tỉnh Thái Nguyên, các đơn vị có liên quan tổ chức và tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố.

Thực hiện tiếp nhận 233 phản ánh hiện trường của người dân trên ứng dụng C-ThaiNguyen, đến nay đã giải quyết xong 229 phản ánh, 04 phản ánh trong hạn đã chuyển các cơ quan chuyên môn giải quyết, về cơ bản kết quả giải quyết phản ánh hiện trường của thành phố đều được người dân đánh giá ở mức độ hài lòng.

2.18. Nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã:

Triển khai văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện quy trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo yêu cầu, tiến độ của UBND tỉnh đề ra: Đã hoàn thành việc lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. HĐND xã Phúc Hà, phường Quan Triều, xã Quyết Thắng và xã Sơn Cẩm đã tổ chức họp và ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tại địa phương (100% đại biểu nhất trí thông qua). Ngày 19/3/2024, HĐND thành phố đã họp và thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 tại thành phố Thái Nguyên. UBND thành phố đã trình UBND tỉnh Thái Nguyên xem xét phê duyệt Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025 tại thành phố Thái Nguyên. UBND tỉnh đã trình Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên. UBND thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chuyên môn hoàn thiện hồ sơ bổ sung theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Đồng thời, tập trung tổ chức lập Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2045 và lập các quy hoạch phân khu tại khu vực sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, làm cơ sở hoàn thiện Báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị (đối với thành phố Thái Nguyên) và Báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị (đối với khu vực dự kiến thành lập phường) theo yêu cầu và quy định của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; phân đấu trình UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt các đồ án quy hoạch phân khu trong quý IV/2024 để UBND tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên đến năm 2045 trong quý II/2025.

2.19. Công tác quân sự, quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực chỉ huy, trực ban theo đúng quy định bảo đảm an toàn tuyệt đối. Thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng và huấn luyện năm 2024. Chỉ đạo thực hiện, đảm bảo cho nhiệm vụ diễn tập, chuẩn bị các công trình quân sự, khu vực tổ chức diễn tập chiến đấu xã, phường trong khu vực phòng thủ năm 2024. Tổ chức hội nghị đánh

giá kết quả thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ Quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2024; ban hành Kế hoạch tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2025; Kế hoạch khám sơ tuyển, khám tuyển sức khỏe nghĩa vụ Quân sự và nghĩa vụ Công an nhân dân năm 2025.

Thường xuyên tổ chức luyện tập các phương án chiến đấu tại chỗ, bảo vệ cơ quan đơn vị, phương án phòng chống cháy nổ, cứu sập, đồng thời chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật chất sẵn sàng cơ động tham gia phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, kịp thời xử trí có hiệu quả các tình huống có thể xảy ra, khắc phục hậu quả của cơn bão số 3 xảy ra trên địa bàn thành phố. Lực lượng công an, quân đội đã cử trên 3.200 lượt cán bộ, chiến sỹ phối hợp, hỗ trợ Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai các phường, xã chủ động di dời 5.132 hộ dân, 11.652 nhân khẩu tại địa bàn bị ngập úng sâu, cô lập, một số điểm có nguy cơ sạt lở đến nơi an toàn; đồng thời đã cứu trợ, giúp đỡ 17.925 hộ dân. Phối hợp các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan, nhân dân khắc phục hậu quả do mưa bão gây nên tại các điểm, cơ quan, đơn vị, trường học bị ảnh hưởng do mưa lũ.

2.20. Công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

- *Tình hình an ninh trật tự:* Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ổn định. Lực lượng công an đã chủ động nắm tình hình và triển khai các biện pháp, phương án đối phó, giải quyết kịp thời các vấn đề, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra các tình huống phức tạp, tập trung đông người gây rối, phá hoại của các đối tượng phản động. Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh thông tin, công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Thực hiện tốt các kế hoạch tấn công trấn áp tội phạm, đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm và vi phạm về vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới. Tổ chức thành công Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ “Tổ liên gia an toàn PCCC” thành phố năm 2024. Năm 2024: Xảy ra 66 vụ cháy; làm chết 02 người, bị thương 02 người, tài sản thiệt hại khoảng 4,588 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do chập điện.

Triển khai thực hiện đăng ký xe mô tô, xe máy điện tại Công an thành phố Thái Nguyên theo phân cấp. Khai thác, đưa vào vận hành, sử dụng hệ thống Camera giám sát, hướng dẫn giao thông trên địa bàn thành phố. Tổ chức đồng bộ các biện pháp nhằm kiểm chế, phân đấu kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí.

Tập trung thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn 2030 và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực an ninh trật tự. Chỉ đạo lực lượng Công an tiếp tục rà soát, thu thập, kiểm tra, đối

chiều, bổ sung, điều chỉnh thông tin dữ liệu dân cư bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”; phối hợp nhập thông tin, chia sẻ dữ liệu với các ngành chức năng phục vụ chuyển đổi số; đẩy mạnh tuyên truyền, thu nhận hồ sơ cấp căn cước gắn chip điện tử, cấp, kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

2.21. Công tác Tư pháp

Triển khai thực hiện các kế hoạch công tác tư pháp năm 2024. Chỉ đạo UBND các phường, xã cập nhật thông tin dữ liệu về phổ biến, giáo dục pháp luật và phối hợp khảo sát thực trạng đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, xây dựng danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa. Tổ chức Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn thành phố Thái Nguyên năm 2024 với hơn 400 đại biểu tham dự.

Chỉ đạo rà soát trang bị máy tính, trang thiết bị phục vụ công tác đăng ký quản lý hộ tịch tại thành phố và các phường, xã. Chuẩn bị các hồ sơ, báo cáo và tài liệu liên quan phục vụ Thanh tra chuyên ngành lĩnh vực chứng thực, hộ tịch tại thành phố Thái Nguyên. Thành phố thực hiện 1.357 việc hộ tịch và 1.453 việc chứng thực.

2.22. Công tác thanh tra; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- *Công tác thanh tra:* Thanh tra thành phố Thái Nguyên đã chủ động xây dựng chương trình và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, tổ chức thành lập các đoàn thanh tra theo kế hoạch, đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Trong kỳ thực hiện 12 cuộc thanh tra, đã ban hành kết luận thanh tra: 09 cuộc. Qua công tác thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh một số đơn vị khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, thiếu sót. Chỉ đạo rà soát, thực hiện nghiêm các thông báo, kết luận, kiến nghị của Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với UBND thành phố và các đơn vị thuộc UBND thành phố Thái Nguyên.

- *Công tác tiếp công dân:* Công tác tiếp công dân được duy trì thường xuyên các ngày trong tuần; tiếp nhận và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của thành phố tham mưu cho UBND thành phố giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, đề nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Không có vụ việc tập trung khiếu kiện đông người. Trong kỳ, thành phố đã tiếp thường xuyên 527 lượt công dân, tiếp định kỳ của Chủ tịch UBND là 23 ngày với 26 lượt công dân và đột xuất của Chủ tịch UBND là 03 ngày với 03 lượt công dân.



Tổng số đơn đã tiếp nhận trong kỳ 1.107 đơn, trong đó, số đơn thuộc thẩm quyền của UBND thành phố phải giải quyết là 500 đơn. Kết quả: Đã giải quyết xong 456/500 đơn, đạt 91,2%; đang kiểm tra, xác minh 44 đơn, bằng 8,8%.

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo chỉ tiêu được duyệt

Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024: 1.235,35 ha. Kết quả thực hiện được: 296,58/1.235,35 ha, đạt 24% (Sử dụng từ nhóm đất nông nghiệp 220,69 ha, nhóm đất phi nông nghiệp 70,49 ha, từ nhóm đất chưa sử dụng 5,4 ha).

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích phê duyệt Kế hoạch năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện				Tỷ lệ (%)
			Diện tích đã thực hiện	Sử dụng từ các loại đất			
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)/(3)*100
	Tổng cộng	1.235,35	296,58	220,69	70,49	5,40	24,00
I	Đất nông nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Đất phi nông nghiệp	1.235,35	296,58	220,69	70,49	5,40	24,00
1	Đất ở đô thị	381,63	113,59	87,90	24,73	0,95	29,76
2	Đất ở nông thôn	493,82	54,03	50,76	3,27	0,00	10,94
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	2,89	2,53	0,06	2,47	0,00	87,43
4	Đất quốc phòng	7,43	5,62	5,50	0,12	0,00	75,61
5	Đất an ninh	0,97	0,30	0,00	0,30	0,00	31,20
6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	31,58	14,02	7,80	5,61	0,60	44,39
6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,94	0,18	0,18	0,00	0,00	19,16
6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	2,23	0,07	0,00	0,07	0,00	2,98
6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	14,51	7,34	3,66	3,16	0,52	50,62
6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	13,90	6,43	3,97	2,38	0,08	46,25
6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích phê duyệt Kế hoạch năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện				Tỷ lệ (%)
			Diện tích đã thực hiện	Sử dụng từ các loại đất			
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)/(3)*100
7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	179,75	35,05	23,49	9,41	2,15	19,50
7.1	Đất khu công nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7.2	Đất cụm công nghiệp	80,05	10,69	5,40	3,21	2,08	13,35
7.3	Đất thương mại, dịch vụ	9,16	0,38	0,13	0,24	0,01	4,12
7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,87	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	89,67	23,98	17,97	5,96	0,05	26,75
8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	136,98	71,44	45,17	24,57	1,70	52,15
8.1	Đất công trình giao thông	101,73	55,44	41,61	13,53	0,30	54,49
8.2	Đất công trình thủy lợi	11,18	11,18	1,94	8,73	0,51	100,00
8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	4,40	1,77	1,25	0,52	0,00	40,17
8.4	Đất công trình phòng chống thiên tai	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	0,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.6	Đất công trình xử lý chất thải	0,75	0,31	0,31	0,00	0,00	41,33
8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	12,56	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, CNTT	1,56	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	4,31	2,75	0,07	1,79	0,89	63,74
9	Đất tôn giáo	0,30	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Đất tín ngưỡng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, lưu trữ tro cốt	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
12	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
13	Đất phi nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất của thành phố được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Đất đai năm 2024; các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai

năm 2024; Thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan và hướng dẫn của UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố làm cơ sở trong công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn thành phố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024.

- Công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giúp cho việc quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố đi vào nề nếp, đúng pháp luật và đạt hiệu quả.

2.2. Hạn chế, tồn tại

Một số công trình dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa triển khai, hoặc triển khai tiến độ rất chậm do không bố trí được nguồn vốn để thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, dẫn đến việc thực hiện dự án chậm.

Một số công trình dự án đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đấu thầu, đấu giá lựa chọn chủ đầu tư thực hiện các khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn.

2.3. Nguyên nhân

- Nguồn vốn thực hiện các dự án của các chủ đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, các chủ đầu tư khi đăng ký nhu cầu sử dụng đất chưa đánh giá được hết khả năng thực hiện thực tế của đơn vị.

- Một số hộ dân chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật, cố tình chây ỳ không chấp hành chủ trương về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; có nhiều yêu sách đòi hỏi ngoài chế độ chính sách bồi thường gây khó khăn cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án.

III. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, UBND thành phố xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, cụ thể như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2025 là 887,44 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 864,54 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 là 725,59 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 là 8,60 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2025 là 181 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 887,44 ha. Trong đó:

- 177 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 873,17 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 04 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025, với diện tích sử dụng đất là 14,27 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)

6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên

- Điều chỉnh diện tích đối với 01 công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 30/12/2023. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh diện tích tại Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 10/12/2024.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Hủy bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 02 năm chưa thực hiện

Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, năm 2022, năm 2023 đối với 51 dự án đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt do đã quá 02 năm chưa thực hiện.

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Thực hiện công bố, công khai tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Thái Nguyên và công bố, công khai nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên có liên quan đến xã, phường tại trụ sở UBND cấp xã sau khi được phê duyệt.

- Tiếp tục đôn đốc các tổ chức, đơn vị hoàn thành kế hoạch sử dụng đất đã đăng ký và được phê duyệt năm 2024;

- Đối với các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích, phải lập phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa do bị mất khi chuyển mục đích, hoặc nộp kinh phí để tổ chức thực hiện phương án theo hướng dẫn của tỉnh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất; có các giải pháp đồng bộ huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện các công trình dự án; có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo trong công tác bồi thường, GPMB, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng các quy trình, quy định của Nhà nước, đưa đất vào sử dụng đúng tiến độ dự án đã được duyệt.

- Chủ đầu tư của các công trình, dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cần bố trí đủ nguồn vốn, thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư đã ban hành nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để sớm triển khai đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.



- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đảm bảo việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường rà soát các quy trình thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm giảm bớt thủ tục không cần thiết. Hoàn thiện, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thành phố về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2024 được lập theo đúng Luật Đất đai năm 2024, Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Đã xuất phát từ thực tế sử dụng đất hiện nay của thành phố; nghiên cứu sử dụng các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ của các ngành, các cấp về tình hình sử dụng đất và đánh giá tài nguyên đất đai.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong thành phố Thái Nguyên, các chủ dự án và sự tham gia của các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã phân phối đất đai hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các dự án đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên để thành phố có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đề nghị các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn UBND thành phố trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường bổ sung kinh phí, đồng thời tạo điều kiện cho thành phố tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.

PHỤ LỤC

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

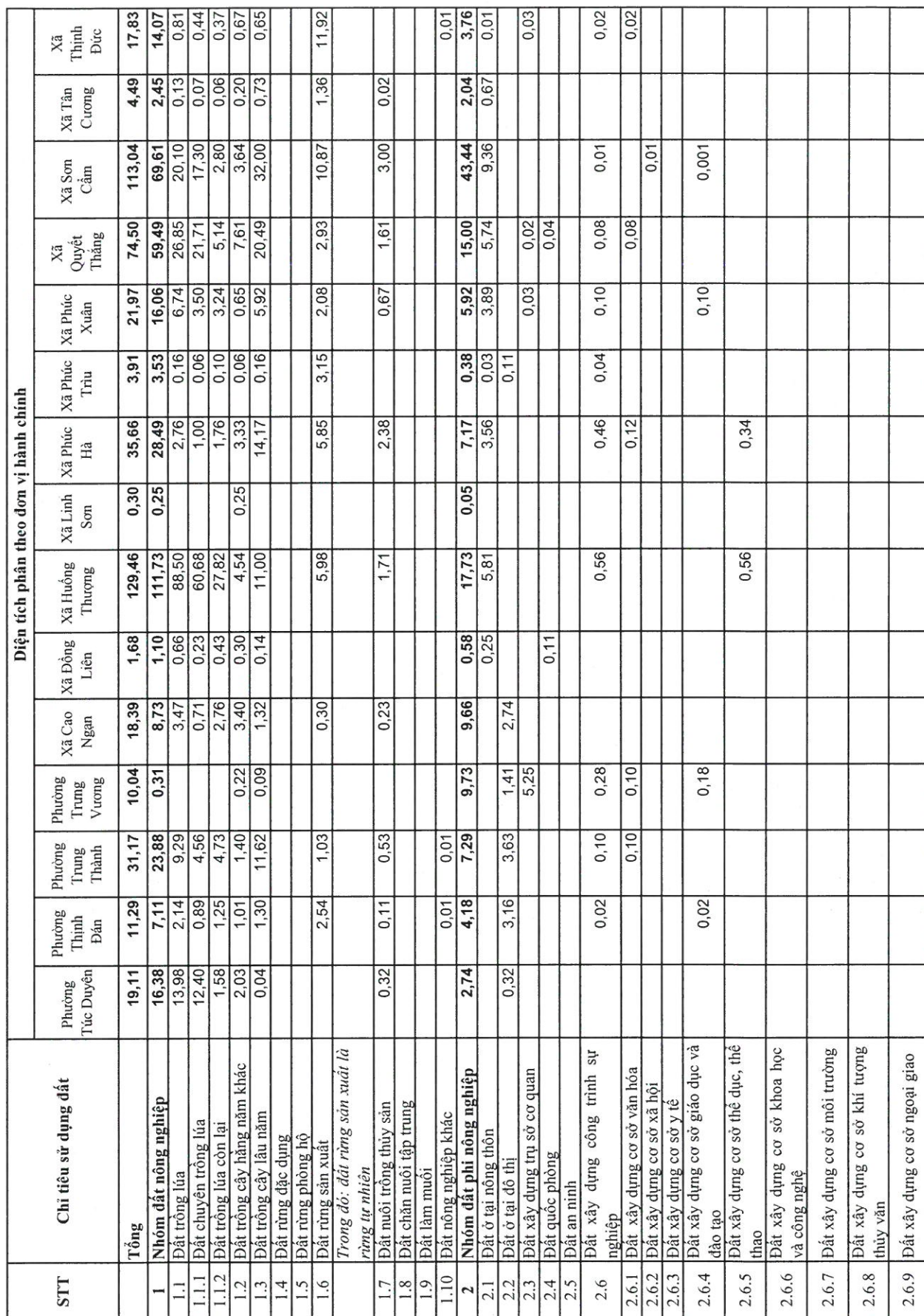
[illegible]

[illegible]

Đơn vị tính: ha

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
			Phường Cam Giá	Phường Chùa Hang	Phường Đồng Bầm	Phường Đồng Quang	Phường Gia Sàng	Phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hương Sơn	Phường Phan Đình Phùng	Phường Phú Xá	Phường Quan Triều	Phường Quang Trung	Phường Quang Vinh	Phường Tân Lập	Phường Tân Long	Phường Tân Thành	Phường Tích Lương
2.6.10	Đất xây dựng công trình sử dụng khác	0,63		0,11					0,48									
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	14,77		0,84	0,03			0,01		0,77	0,07				0,46			
2.7.1	Đất khu công nghiệp																	
2.7.2	Đất cụm công nghiệp																	
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	0,77								0,77								
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	1,05						0,01		0,77								
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	12,48		0,84	0,03						0,07				0,46			
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	1,25																
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	61,79		0,34	0,67	1,69	0,31	0,01	1,51	0,55	8,32	0,87	0,72	5,62	5,46	0,02		0,39
2.8.1	Đất công trình giao thông	49,37		0,34	0,55	0,75	0,31	0,01	1,00	0,53	6,85	0,75	0,69	4,20	4,94	0,02		0,39
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	10,82			0,12	0,94	0,002		0,51	0,02	1,24	0,12	0,03	1,32	0,52	0,02		
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước																	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai																	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên																	
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải																	
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	0,61									0,04			0,10				
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin																	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	0,20																
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0,78									0,19							
2.9	Đất tôn giáo	0,10																
2.10	Đất tín ngưỡng	0,08																
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	5,02			0,01				0,10		1,46	0,03		0,94	0,30			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	33,65	3,47				0,70	0,07		0,03	0,24		0,03	0,68	0,52		0,10	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	4,69					0,63	0,07			0,10				0,50			
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	13,85	3,47				0,07				0,14		0,03	0,68	0,02		0,10	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	4,02			0,001		0,09				0,19							



STT		Chi tiêu sử dụng đất	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
			Phường Túc Duyên	Phường Thịnh Đán	Phường Trung Thành	Phường Trung Vương	Xã Cao Ngạn	Xã Đông Liên	Xã Hoàng Thượng	Xã Lĩnh Sơn	Xã Phúc Hà	Xã Phúc Thù	Xã Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng	Xã Sơn Cầm	Xã Tân Cương	Xã Thịnh Dục
2.6.10	Đất xây dựng công trình sử nghiệp khác										0,04						
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,11		1,41	0,63	0,20								10,25			
2.7.1	Đất khu công nghiệp																
2.7.2	Đất cụm công nghiệp																
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung																
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ				0,27												
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,11		1,41	0,36	0,20								9,00			
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản													1,25			
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	1,80	0,93	2,15	2,11	0,41	0,22	7,35		0,19	1,26	6,54	11,70	0,41	0,22		
2.8.1	Đất công trình giao thông	1,44	0,85	1,55	1,93	0,41	0,03	5,82		0,19	1,26	3,80	10,37	0,28	0,14		
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	0,36	0,08	0,57	0,18		0,07	1,18				2,74	0,78				
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước																
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai																
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên																
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải																
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng			0,03									0,44				
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin																
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối													0,13	0,07		
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng					0,12	0,35						0,12				
2.9	Đất tôn giáo											0,10					
2.10	Đất tín ngưỡng											0,08					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	0,06	0,07				1,00	0,05	0,28		0,05	0,31	0,34	0,03			
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,44			0,05	6,31	3,01		0,56	0,01	0,58	0,84	11,59	0,93	3,49		
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá						3,01							0,38			
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,44			0,05	6,31			0,56	0,01	0,58	0,84		0,55			
2.13	Đất phi nông nghiệp khác								2,31			1,25	0,18		0,0004		

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

1

15/04/2015

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục V
Danh mục 171 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện
năm 2025 của thành phố Thái Nguyên
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		873,17	317,61	58,62			496,94
1	Khu tái định cư phục vụ mở rộng khai trường sản xuất của công ty than Khánh Hòa	Phường Tân Long, TPTN	3,06	1,84				1,22
2	Khu dân cư 11B, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,31		1,27			0,04
3	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	1,82	1,20				0,62
4	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài	Phường Quang Trung, TPTN	0,95					0,95
5	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	6,50	3,04				3,46
6	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,17	0,17				
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,26					0,26
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,10					0,10
7	Khu dân cư số 11, phường Gia Sàng (giáp Khu dân cư Kosy Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	6,02	1,46				4,56
8	Khu dân cư Kosy Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	7,17	2,49				4,68
9	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	6,44	4,64				1,80
		Phường Gia Sàng, TPTN	1,25					1,25
10	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	1,00	0,52				0,48
11	Khu dân cư số 5 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0,21	0,04				0,17
		Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	5,41	0,51	1,28			3,62
12	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,70		0,10			0,60
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,04	0,04				

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
13	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp - Picensa Plaza Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	2,69					2,69
14	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picensa Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,26	0,13				0,13
15	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, TPTN	3,39	0,48				2,91
16	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Phường Chùa Hang, TPTN	5,76					5,76
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,36					0,36
17	Khu dân cư liên kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	4,07	1,74				2,33
18	Khu đô thị Nam sông Cầu	Phường Quang Vinh, TPTN	45,48	28,14				17,35
19	Khu dân cư hồ điều hòa Xương Rồng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,00					2,00
20	Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	6,65					6,65
21	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,35	0,05				0,30
		Phường Quang Trung, TPTN	0,45	0,02				0,43
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,24	0,01				0,23
22	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,44	0,20	0,04			0,20
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,29	0,36				0,93
23	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	7,85	5,05				2,80
24	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	9,48	5,61				3,87
25	Khu tái định cư số 5 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	7,79	2,48	0,74			4,57
26	Khu dân cư 11A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,34	0,24				0,10
27	Khu tái định cư liên tổ 19+20 phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	5,00	2,30				2,70
28	Khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,85	0,30				0,55
29	Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,50	0,05				0,45
30	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	Phường Tân Lập, TPTN	4,25	0,20	0,50			3,55
		Phường Phú Xá, TPTN	1,46	0,87				0,59
31	Mở rộng khu dân cư số 1 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	6,32	0,88	0,90			4,54

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
32	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,81	0,25	0,85			3,71
33	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,40	0,50	0,03			3,87
34	Khu tái định cư tổ 3, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	3,60	3,49	0,01			0,10
35	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Quang Trung, TPTN	0,10					0,10
36	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Quang Trung, TPTN	0,05					0,05
37	Hạ tầng Khu tái định cư thực hiện xây dựng hạng mục cầu Bến tượng thuộc Chương trình đô thị miền núi phía bắc - thành phố Thái Nguyên giai đoạn II tại khu tái định cư số 2 trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,70	0,39				0,31
38	Khu nhà ở số 6 phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	6,57	1,62	0,23			4,72
39	Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4,44	3,17				1,27
40	Khu đô thị phường Tân Lập - phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,20	0,87	2,31			3,02
41	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,20					0,20
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,01					0,01
42	Khu đô thị thuộc Khu trung tâm số 6 thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	113,74	38,84	1,10			73,80
		Phường Trung Thành, TPTN	26,03	6,99	1,03			18,01
43	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,16					0,16
		Phường Quang Vinh, TPTN	32,21	19,46	0,03			12,73
		Phường Quan Triều, TPTN	17,55	15,07				2,47
44	Khu dân cư 7C	Phường Túc Duyên, TPTN	4,44	3,95				0,49
45	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,12	0,12				
		Xã Quyết Thắng, TPTN	7,29	3,91				3,38
46	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị kết nối khu Di tích lịch sử Thanh niên Xung phong Đại đội 915 và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên	Phường Gia Sàng, TPTN	0,31					0,31

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
47	Khu dân cư số 8 Túc Duyên (giai đoạn 2)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,12	0,03				1,10
48	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại Khu dân cư số 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (Giai đoạn 1)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,15					0,15
49	Khu dân cư số 12, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	1,78	0,26				1,52
50	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,51					0,51
51	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh niên xung phong và Khu dân cư hai bên đường	Phường Phú Xá, TPTN	3,79	0,88				2,91
		Phường Tân Lập, TPTN	13,54	2,70	0,01			10,83
52	Khu đô thị phường Phan Đình Phùng (để đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,01					1,01
53	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 114 tờ BĐ số 12, phường Đồng Bầm)	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,02					0,02
54	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 559 tờ BĐ số 37 và thửa 560, tờ BĐ số 37 phường Phan Đình Phùng)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,06					0,06
55	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,37	0,18				0,18
56	Xây dựng hạ tầng kết nối Khu dân cư Đội xe vận phòng Công ty Gang Thép với Khu dân cư Lưu Nhân Chú (Giải quyết đơn của công dân)	Phường Hương Sơn, TPTN	0,07	0,01				0,06
57	Khu dân cư Đồi Yên Ngựa, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,10					0,10
58	Khu dân cư 1,3,4 và Khu dân cư số 5 Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	0,50	0,18				0,32
59	Khu dân cư Havico phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4,87	0,83				4,04
60	Khu dân cư tổ 4 phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,13		0,72			1,41
61	Khu dân cư số 9, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	1,77	0,58				1,19
62	Xây dựng cấp bách Khu dân cư số 3 phường Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,005					0,005
63	Khu tái định cư số 1, xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,26	0,22				1,04
64	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng, TPTN	5,03	1,30				3,73
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,49	0,08				1,41
65	Khu tái định cư số 1 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,72	1,53	0,50			3,69

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
66	Khu tái định cư số 2 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	4,33	0,86	1,32			2,15
67	Đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,90	0,38				0,52
68	Xây dựng Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,50	0,85	0,18			1,47
69	Khu dân cư số 3, xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	5,19	0,80	0,17			4,22
70	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37,67	14,20	0,34			23,13
71	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, TPTN	71,85	44,75	5,81			21,29
72	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, TPTN	40,25	32,21				8,04
73	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	9,00	3,90	0,20			4,90
74	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	3,30	0,50				2,80
		Xã Phúc Xuân, TPTN	3,22	0,72				2,50
75	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trãng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Phúc Xuân, TPTN	5,90	1,83				4,07
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,22					1,22
76	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4,90	1,00	0,30			3,60
77	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,02	0,80				2,22
78	Khu đô thị số 1 xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	12,59	10,74				1,85
79	Tiểu Dự án bồi thường GPMB phục vụ xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn (bao gồm cả Giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,71	1,67				2,04
80	Xây dựng Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,13					0,13
81	Trụ sở UBND phường Hoàng Văn Thụ (đề giao đất)	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2,26					2,26
82	Trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,36					0,36
83	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	4,30	0,40	2,24			1,66

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
84	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1,81	0,50	1,15			0,16
85	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1,32		1,20			0,12
86	Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,08					0,08
87	Trụ sở Công an xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,12					0,12
88	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,10					0,10
89	Trụ sở Công an xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0,13					0,13
90	Trụ sở Công an xã Đồng Liên	Xã Đồng Liên, TPTN	0,12					0,12
91	Trụ sở Công an xã Phúc Triu	Xã Phúc Triu, TPTN	0,11					0,11
92	Trụ sở Công an xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,20					0,20
93	Nhà văn hóa tổ 5	Phường Trung Thành, TPTN	0,08					0,08
94	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục phục vụ hoạt động của Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,03					0,03
95	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,29					0,29
96	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,15					0,15
97	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng Khu lưu niệm truyền thống tướng niệm liệt sỹ Trung đoàn 88 - Tu Vũ, Sư đoàn 308 - Quân Tiên phong	Xã Tân Cương, TPTN	0,08	0,08				
98	Xây dựng khối nhà 2 tầng 6 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,03					0,03
99	Trạm y tế phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,04					0,04
100	Trạm y tế phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,10					0,10
101	Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,02					0,02
102	Trường mầm non Cam Giá (Phân hiệu 2). Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0,51					0,51
103	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,02					0,02

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
104	Xây dựng kè chống sạt lở Trường mầm non Tân Thành, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thành, TPTN	0,02					0,02
105	Trường mầm non Phúc Triu	Xã Phúc Triu, TPTN	0,33					0,33
106	Mở rộng Trường Mầm non Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,17		0,15			0,02
107	Mở rộng Trường Mầm non Hương Sen	Phường Trung Thành, TPTN	0,19					0,19
108	Trường mầm non Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,36					0,36
109	Trường THCS Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,64					0,64
110	Trường Mầm non Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,40					0,40
111	Xây dựng trường mầm non Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,63	0,08				0,55
112	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,73					0,73
113	Trường Mầm non Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,26					0,26
114	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,24					0,24
115	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Việt Mỹ	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,74	2,56	1,04			2,15
116	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,33	1,13				0,20
117	Trụ sở làm việc của Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường	Phường Trung Vương, TPTN	0,14					0,14
118	Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và Trụ sở làm việc Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,27					0,27
119	Văn phòng đại diện Báo Nhân dân tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03					0,03
120	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03					0,03
121	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	0,24					0,24
122	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1	Xã Sơn Cẩm, TPTN	18,96	1,45	1,92			15,59
123	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2	Xã Sơn Cẩm, TPTN	29,74	9,31	6,07			14,36
124	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 3	Xã Sơn Cẩm, TPTN	28,63	2,42				26,21
125	Tổ hợp Tài chính, Thương mại dịch vụ và Khách sạn Thái Hưng (THAI HUNG COMPLEX TOWER)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,13					0,13
126	Trụ sở làm việc Chi hánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,11					0,11
127	Khu sinh thái An Bình	Xã Thịnh Đức, TPTN	8,39					8,39
128	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	23,54	1,64	3,13			18,77

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
129	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiền, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11,70	1,12	2,72			7,87
130	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cẩm, TPTN	10,56	0,57	0,93			9,06
		Phường Tân Long, TPTN	0,11		0,11			
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,39					0,39
131	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mon, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98		10,69			1,29
		Phường Phú Xá, TPTN	0,72					0,72
132	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ; xã Vô Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cẩm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	6,51					6,51
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	12,20	0,04	0,13			12,03
133	Đường Xuân Hòa kéo dài	Phường Túc Duyên, TPTN	0,62	0,20				0,42
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,60					0,60
134	Xây dựng tuyến đường vào trường THPT Chuyên Thái Nguyên (thuộc Khu dân cư số 5B, phường Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,55	1,25				0,30
135	Hoàn thiện đường Bắc Nam - Huống Thượng đoạn qua Khu dân cư tổ 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,57	0,57				
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,13					0,13
136	Xây dựng tuyến đường quy hoạch phía sau trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	0,41					0,41
137	Đầu tư xây dựng nút giao đường Thanh niên với đường Bắc Kạn	Phường Trung Vương	0,74					0,74
138	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,13	0,05				0,08
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,05					0,05
139	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 (nút giao đường Tổ Hữu) đến Km 9+500	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,35	0,50				0,85
		Xã Phúc Xuân, TPTN	4,71	2,50				2,21
140	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,07					0,07

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
141	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0,33					0,33
142	Cải tạo, nâng cấp hệ thống vỉa hè, cây xanh và kết nối hạ tầng các khu dân cư nút giao Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	0,51	0,01				0,50
		Phường Tân Thịnh, TPTN	0,449		0,002			0,447
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,41					0,41
143	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư tổ 6 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	0,0554	0,0016				0,0538
144	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Xuân Hòa	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,01					0,01
145	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Đình Chiểu	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,02					0,02
146	Chỉnh trang đô thị khu vực đường Bến Tượng, phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	0,19					0,19
147	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật ngõ 392, đường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,01					0,01
148	Đường giao thông nông thôn xã Phúc Triu, giai đoạn 2024-2026	Xã Phúc Triu, TPTN	0,85		0,49			0,36
149	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1,13		1,10			0,03
150	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 100 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,04					0,04
151	Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Triu, TPTN	2,63		2,63			
152	Nhà máy cấp nước Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,02					0,02
153	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Cầu Đá Mài)	Xã Tân Cương, TPTN	1,48					1,48
154	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Công - Đoạn 1)	Xã Tân Cương, TPTN	0,53					0,53



STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
155	Xây dựng kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, TPTN	Phường Cam Giá, TPTN	4,85	0,00				4,85
156	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc	Phường Phú Xá, TPTN	0,56	0,56				
157	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Gia Sàng	Phường Tân Lập, TPTN	0,821	0,650	0,010			0,161
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,090		0,090			
158	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thái Nguyên (KFW3)	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Phú Xá, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Tân Lập, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Tích Lương, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Phường Trung Thành, TPTN	0,009	0,002				0,007
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0,009	0,002				0,007
159	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,521	0,310	0,082			0,129
		Xã Tân Cương, TPTN	0,398	0,055	0,157			0,186
		Xã Phúc Triu, TPTN	0,289	0,163	0,023			0,104
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,361	0,476	0,573			0,311
160	Cải tạo đường dây điện ĐZ 22kv lộ 471 và 473 trạm 110kv Thịnh Đán cấp điện cho khu Nam Hồ Núi Cốc	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,020	0,010				0,010
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,020	0,010				0,010
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,030	0,010				0,020
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,010	0,010				
161	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,011	0,001				0,010
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,005					0,005
162	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Thái Nguyên năm 2024	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,004					0,004
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,009	0,004				0,006
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,011	0,002				0,009
163	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, TPTN	0,005		0,001			0,004
		Xã Cao Ngạn, TPTN	0,010					0,010
		Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,008					0,008
164	Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên - Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	0,026	0,020				0,006
		Phường Quan Triều, TPTN	0,050					0,050
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,028					0,028
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,023					0,023
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,446	0,171	0,080			0,195

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
165	Tháp Anten truyền hình Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	1,56		0,66			0,90
166	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	2,53					2,53
167	Hoàn thiện hạ tầng và khuôn viên cây xanh phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,41					0,41
168	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc 2 bên đường Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (trong đường Bắc Sơn kéo dài)	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,70	0,10	0,15			0,45
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,01					0,01
169	Xây dựng hạ tầng cảnh quan cây xanh khu dân cư số 11, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,38		1,02			0,35
170	Xây dựng, hoàn trả phần diện tích đất thu hồi của Giáo họ Nam Sơn, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Xã Linh Sơn, TPTN	0,30					0,30
171	Xây dựng hồ điều hòa tại khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,76	1,00	0,10			0,66

Phụ lục VI
Danh mục 04 công trình, dự án đăng ký mới năm 2025
của thành phố Thái Nguyên
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	TỔNG CỘNG		14,27	5,22				9,05
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,44	3,92				1,51
2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0,55					0,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,49					3,49
3	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3,20	0,64				2,56
		Xã Đồng Liên, TPTN	1,59	0,66				0,93
4	Xây dựng hệ thống cống thoát nước ngõ 432, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,005					0,005

Phụ lục VII

Điều chỉnh diện tích đối với 01 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên)

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nay điều chỉnh lại như sau:					
STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất				STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ các loại đất			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên														
1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,35	0,25			4,10	1	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,81	0,25			4,56

Phụ lục VIII

Huỷ bỏ kế hoạch sử dụng đất đối với 51 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên do đã quá 02 năm chưa thực hiện

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
thành phố Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

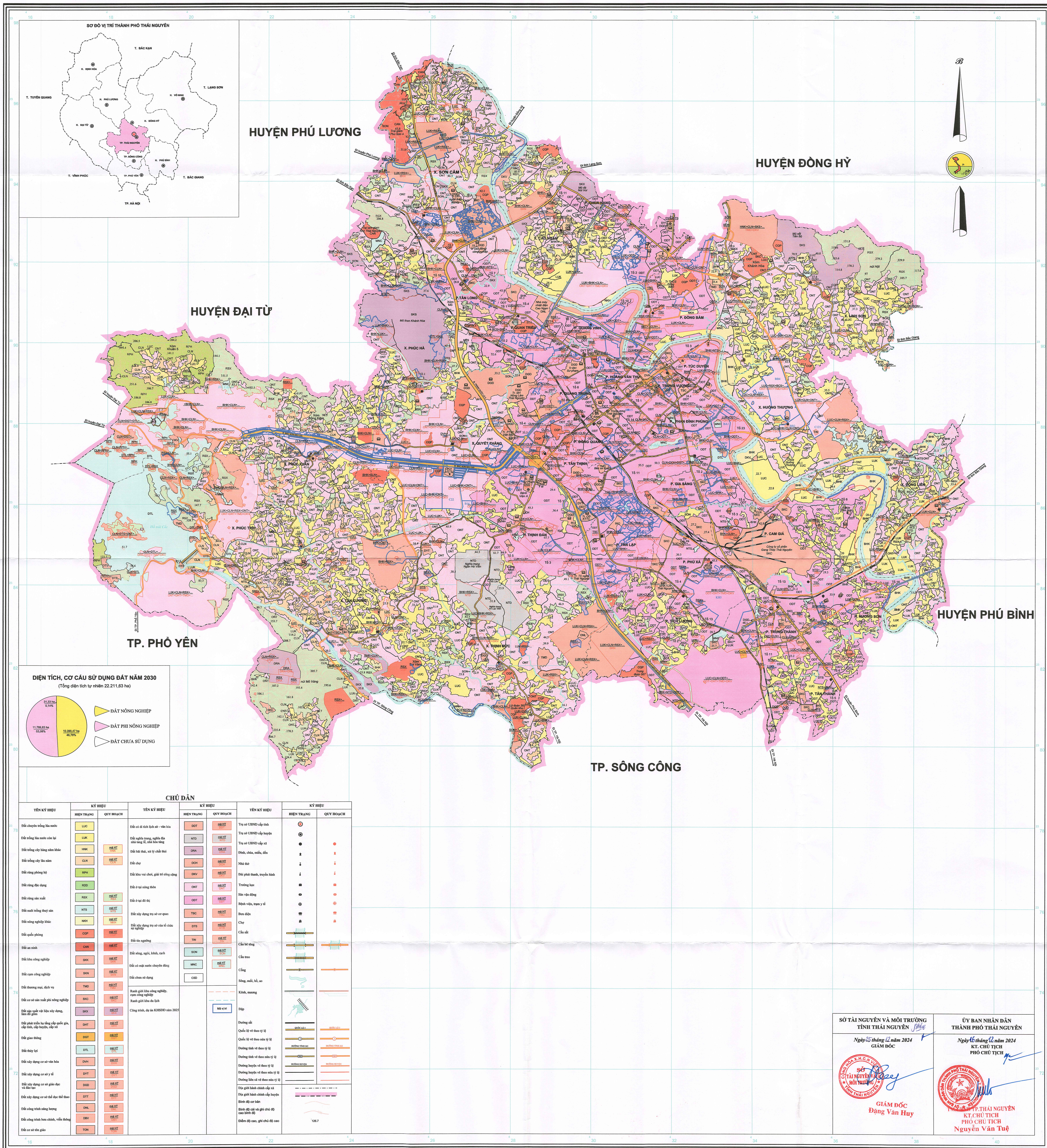
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyet kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMĐ tính đến 31/12/2024	Diện tích huỷ bỏ
	Tổng		1.118,61		1.118,61
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên (thuộc Đề án sản xuất chè công nghệ cao)	Xã Phúc Triu, TPTN	0,12		0,12
2	Khu nhà ở số 1, phường Chùa Hang (thuộc Khu đất dự kiến hoàn vốn cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ)	Phường Chùa Hang, TPTN	7,07		7,07
3	Khu nhà ở Anh Thắng - Đài Bắc (chuyên mục đích)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,88		0,88
4	Khu dân cư mới phường Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh, TPTN	2,00		2,00
5	Khu nhà ở công nhân Gang Thép, phường Trung Thành,	Phường Trung Thành, TPTN	8,00		8,00
6	Khu đô thị mới Tích Lương	Phường Tích Lương, TPTN	287,02		287,02
7	Khu đô thị số 01 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	10,10		10,10
		Xã Quyết Thắng, TPTN	15,53		15,53
8	Khu đô thị số 02 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,28		6,28
		Xã Quyết Thắng, TPTN	17,41		17,41
9	Khu đô thị Hương Sơn	Phường Hương Sơn TPTN	39,56		39,56
10	Khu Tái định cư dự án xây dựng Sân vận động Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	16,68		16,68
11	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 3)	Xã Linh Sơn, TPTN	45,90		45,90
		Xã Huống Thượng, TPTN	15,53		15,53
12	Khu đô thị mới Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	96,36		96,36
		Xã Phúc Triu, TPTN	14,61		14,61
		Xã Quyết Thắng, TPTN	64,17		64,17
13	Khu nhà ở Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	14,28		14,28
14	Khu dân cư Đồng Xe xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	34,00		34,00
15	Khu đô thị mới Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	114,29		114,29
16	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0,13		0,13

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyet kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMĐ tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
17	Nhà văn hóa xóm Nam Đồng	Xã Tân Cương, TPTN	0,08		0,08
18	Bệnh viện đa khoa Trung tâm	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,37		0,37
19	Xây dựng Trại thực nghiệm của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	3,82		3,82
20	Tổ hợp Chợ truyền thống, trung tâm thương mại dịch vụ Gia Sàng (tên cũ là đầu tư xây dựng chợ Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	0,12		0,12
21	Đầu giá đất thương mại dịch vụ (thửa 157, tờ bản đồ 11 phường Tân Thành)	Phường Tân Thành, TPTN	0,01		0,01
22	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 1	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,08		0,08
23	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 2	Phường Trung Thành, TPTN	0,10		0,10
24	Công viên giải trí gắn liền dịch vụ du lịch trải nghiệm có trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên Eco Valley	Xã Phúc Triu, TPTN	35,24		35,24
25	Khu giáo dục trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp hữu cơ Eco Valley	Xã Phúc Triu, TPTN	24,60		24,60
26	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, dịch vụ bể bơi Việt Bắc	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,53		0,53
27	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,31		6,31
		Phường Tân Lập, TPTN	6,61		6,61
		Phường Tích Lương, TPTN	9,55		9,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,07		3,07
28	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, phường Tân Long, xã Cao Ngạn, xã Sơn Cầm, TPTN	0,04		0,04
29	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ (bổ sung)	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,07		0,07
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,04		0,04
30	Khu đô thị số 3 Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	12,58		12,58
31	Khu dân cư liên tổ 13, 14 phường Túc Duyên (thuộc Khu đô thị mới Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	2,33		2,33
32	Khu dân cư số 9 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	0,10		0,10
33	Đầu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư số 1, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,01		0,01
34	Đầu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,04		0,04
35	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	2,00		2,00
36	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ tại thửa đất số 43, tờ BĐDC số 16, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN	0,05		0,05

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2024	Diện tích hủy bỏ
37	Đầu giá khu đất thể dục thể thao tại thửa đất số 6, tờ BĐDC số 9, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN	0,53		0,53
38	Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá, xử lý chất thải tại xóm 1, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	0,46		0,46
39	Đường gom Quốc lộ 3 mới đoạn từ nút giao Thịnh Đán đến đường Bắc Sơn	Phường Thịnh Đán, TPTN	1,17		1,17
40	Xuất tuyến trung áp 22kV sau Trạm biến áp 110kV Sông Công 2 E6.21	Phường Tích Lương, TPTN	0,01		0,01
41	Xuất tuyến trung áp lộ 1 sau Trạm biến áp 110kV Thịnh Đán E6.4	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,06		0,06
		Phường Quang Trung, TPTN	0,04		0,04
42	Khu đô thị 10A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2,69		2,69
43	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1,83		1,83
44	Khu dân cư tổ 7 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	14,40		14,40
		Phường Phú Xá, TPTN	0,16		0,16
45	Khu dân cư tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	10,73		10,73
		Phường Tân Lập, TPTN	2,21		2,21
46	Khu đô thị mới số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	40,58		40,58
47	Khu đô thị Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	46,57		46,57
48	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, TPTN	47,55		47,55
49	Khu dân cư xóm Nam Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	15,67		15,67
50	Trạm xử lý nước thải phục vụ các thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - phường Thịnh Đán	Phường Tân Lập, TPTN	0,19		0,19
51	Mở rộng bãi thải Nam, nắn suối CD, hành lang an toàn Công ty Than Khánh Hoà, xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	16,08		16,08

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN



NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030
- Các bản đồ, bản vẽ các công trình, dự án đăng ký năm 2025

TỶ LỆ 1 : 25 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ